



**CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG**

Số điện thoại: 0297 3870 116

Địa chỉ liên lạc: Số 85-87 đường Lạc Hồng, Phường Rạch Giá, Tỉnh An Giang, Việt Nam

Website: : www.kigimex.com.vn



**CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG**



**2025
BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN**

“Chất lượng - Uy tín - An toàn - Hiệu quả”

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1

THÔNG TIN CHUNG



- Thông tin khái quát
- Quá trình hình thành và phát triển
- Các giải thưởng tiêu biểu
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro

CHƯƠNG 2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư, thực hiện dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

CHƯƠNG 3

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



- Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai
- Giải trình của Ban Điều hành đối với ý kiến của Kiểm toán
- Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

CHƯƠNG 4

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT



- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty , trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành Công ty
- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

CHƯƠNG 5

QUẢN TRỊ CÔNG TY



- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

CHƯƠNG 6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



- Ý kiến Kiểm toán
- Báo cáo tài chính được kiểm toán



CHƯƠNG 1

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Giải thưởng tiêu biểu

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các rủi ro

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên Công ty

Tên giao dịch
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Tên Công ty bằng Tiếng Anh
KIEN GIANG IMPORT & EXPORT JOINT STOCK COMPANY

Tên Công ty viết tắt
KIGIMEX

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 1700100989 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp lần đầu ngày 07/11/2005 và thay đổi lần thứ 21 ngày 28/03/2023.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ
254.300.000.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu
254.300.000.000 đồng

Thông tin liên lạc

Địa chỉ
Số 85-87 đường Lạc Hồng, Phường Rạch Giá, Tỉnh An Giang, Việt Nam

SỐ FAX
0297 3923 406

Email
info@kigimex.com.vn

Mã cổ phiếu
KGM

Website
www.kigimex.com.vn

Số điện thoại: 0297 3870 116



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1976

Công ty đổi tên thành Công ty Ngoại thương Kiên Giang, trực thuộc UBND tỉnh Kiên Giang.

1988

Công ty đổi tên thành Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang với 100% vốn Nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Kiên Giang.

1992

Theo Quyết định số 542/UB-QĐ ngày 19/08/1992, UBND tỉnh Kiên Giang quyết định thành lập Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang, được Bộ Thương mại cấp giấy phép Kinh doanh Xuất nhập khẩu số 4081004 vào ngày 01/03/1993.

1995

Tổng Công ty Lương thực Miền Nam ra Quyết định số 071/TCT/TCLĐ – QĐ ngày 25/11/1995 về việc tiếp nhận Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.

2005

31/05/2005: Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang chuyển thành Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Kiên Giang theo Quyết định số 123/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

1981

Công ty đổi tên thành Công ty Liên hợp xuất khẩu Kiên Giang.

1982

Công ty đổi tên thành Liên hiệp Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.

1994

04/1994: Công ty Lương thực Kiên Giang sáp nhập vào Công ty Xuất nhập khẩu Kiên Giang.

2016

01/07/2016: Công ty chính thức chuyển đổi và hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo giấy đăng ký kinh doanh số 1700100989 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp (thay đổi lần thứ 19) với tên gọi là Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang.

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2017

Ngày 14/9/2017, Công ty chính thức được chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán KGM và số lượng đăng ký giao dịch là 25.430.000 cổ phiếu. Ngày 21/9/2017, KGM có phiên giao dịch đầu tiên trên sàn UPCoM với giá tham chiếu 10.000 đồng/cổ phiếu.

2021

Do ảnh hưởng dịch bệnh, KGM tập trung phát triển kinh doanh, tuân thủ chỉ thị Chính phủ, áp dụng mô hình sản xuất “Ba tại chỗ” và “Một cung đường, hai điểm đến”, cùng chính sách làm việc “30% trực tiếp, 70% trực tuyến”, đảm bảo an toàn và duy trì hoạt động ổn định.

2023

Dù kinh tế khó khăn năm 2023, Kigimex hoàn thành kế hoạch, với doanh thu tăng 171% và lợi nhuận tăng 220% so với 2022, khẳng định vị thế trên thị trường xuất khẩu gạo Việt Nam.

2024

Kigimex tận dụng lợi thế về cơ sở vật chất với hệ thống kho chứa 144.000 tấn/năm, công suất sấy lúa 90.000 tấn/năm, xay xát 160.000 tấn/năm, cùng năng lực thu mua và chế biến cá cơm tươi 1.200 tấn/năm. Công ty cũng duy trì hệ thống kho lạnh, vận chuyển xăng dầu chuyên dụng và nhận được sự hỗ trợ từ cổ đông lớn, Hội đồng quản trị và các ngân hàng. Nhờ đó, Kigimex tối ưu hiệu quả sản xuất, củng cố hoạt động kinh doanh và vượt qua các thách thức trong năm.

2019

Công ty giao dịch thành công với một số khách hàng mới (Wilmar, aT), đặc biệt là lần đầu tiên thắng thầu cung cấp cho thị trường Hàn Quốc loại gạo lứt hạt ngắn Japonica.

2020

Công ty đưa thêm nhiều sản phẩm mới vào danh mục sản phẩm kinh doanh như gạo thơm ST24, ST25, gạo Japonica, gạo lứt hạt dài và cá cơm lá chanh

2022

Sau Covid-19, KGM duy trì kinh doanh nhưng chịu ảnh hưởng từ biến động toàn cầu và cuộc chiến Nga-Ukraine. Dù đối mặt thách thức, công ty đẩy mạnh bán hàng, ổn định kết quả kinh doanh, giữ vững sản xuất và thị phần.

2025

Năm 2025, Kigimex duy trì hoạt động ổn định, triển khai hiệu quả vụ Hè Thu, kiểm soát chi phí và hoàn thành hợp đồng bán ra, đạt lợi nhuận sau thuế 9 tháng 14,31 tỷ đồng, vượt 115% kế hoạch và tăng 37% so với cùng kỳ, thể hiện năng lực quản trị và vị thế vững chắc trên thị trường.

CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

Kigimex luôn được Tổng Công ty Lương thực Miền Nam đánh giá cao vì sự: Ổn định tài chính; Ổn định nội bộ và Sản lượng tiêu thụ & Lợi nhuận cao.



Chủ tịch Nước phong tặng Huân chương Lao động hạng III.

Thủ tướng Chính phủ tặng Giải bạc Chất lượng Quốc gia, Cờ thi đua.

Bộ Tài Chính và Bộ Lao động – Thương Binh và Xã hội đánh giá là Doanh nghiệp Loại I

Bộ Y Tế tặng Bằng khen có thành tích xuất sắc trong công tác Chăm sóc sức khỏe người lao động.

Bộ Công thương xếp hạng trong 10 Doanh nghiệp cả nước dẫn đầu về Xuất khẩu gạo và nhiều năm liền được bình chọn là Doanh nghiệp Xuất khẩu uy tín.

Bộ Khoa học Công nghệ trao tặng giải thưởng Chất lượng Việt Nam.

Liên hiệp các tổ chức Khoa học – Kỹ thuật Việt Nam bình chọn Top 100 Thương hiệu Việt.

Đạt Cúp Vàng Doanh nghiệp Xuất khẩu uy tín ngành hàng lúa gạo Việt Nam tại các kỳ tổ chức Festival lúa gạo Việt Nam.

Đạt giải thưởng Bông lúa Vàng Việt Nam – Thương hiệu Vàng Chất lượng.

Hàng năm được Tổng Công ty Lương thực Miền Nam, UBND tỉnh Kiên Giang trao tặng nhiều Bằng khen hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong các mặt công tác.

Được đạt nhiều Danh hiệu, Giải thưởng, Cờ thi đua, Bằng khen, Giấy khen của các Tổ chức Chính trị Xã hội trao tặng trong các phong trào thi đua hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.



Cờ thi đua “Đã có thành tích xuất sắc, dẫn đầu phong trào thi đua năm 2019” do Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp trao tặng.

Bằng khen danh hiệu “Danh nghiệp tiêu biểu Đồng bằng Sông Cửu Long năm 2019” do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam trao tặng.

Bằng khen “Có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua chuyên đề Doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có hiệu quả góp phần phát triển kinh tế tỉnh Kiên Giang năm 2019” do Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang trao tặng.



Bằng khen “Có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua chuyên đề “Doanh nhân và Doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có hiệu quả, góp phần phát triển kinh tế tỉnh Kiên Giang năm 2020” do Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang trao tặng.

Bằng khen “Có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua chuyên đề xuất khẩu năm 2020” do Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang trao tặng.



Cờ thi đua “Khen thưởng thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua năm 2021” của UBND tỉnh Kiên Giang.

Cờ thi đua “Có thành tích xuất sắc, dẫn đầu phong trào thi đua năm 2021” của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Bằng khen “Có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua chuyên đề xuất khẩu năm 2021” của UBND tỉnh Kiên Giang.

Bằng khen “Thành tích đột xuất, xuất sắc đóng góp thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19” của UBND tỉnh Kiên Giang.

Đạt danh hiệu “Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín” năm 2021 của Bộ công thương cấp.



Bằng khen “Có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua chuyên đề xuất khẩu năm 2022” của UBND tỉnh Kiên Giang.

Bằng khen “Chuyên đề doanh nghiệp Kiên Giang hội nhập và phát triển năm 2022” của UBND tỉnh Kiên Giang.

Cờ thi đua “Có thành tích xuất sắc, dẫn đầu phong trào thi đua năm 2022” của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Bằng khen có thành tích tiêu biểu, xuất sắc trong giai đoạn 2018 – 2022, đóng góp vào sự phát triển của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Đạt danh hiệu “Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín” năm 2022 của Bộ công thương cấp.



Bằng khen “Có thành tích xuất sắc trong đợt thi đua doanh nhân và doanh nghiệp tăng hiệu quả sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, góp phần phát triển kinh tế tỉnh Kiên Giang năm 2023” của UBND tỉnh Kiên Giang.





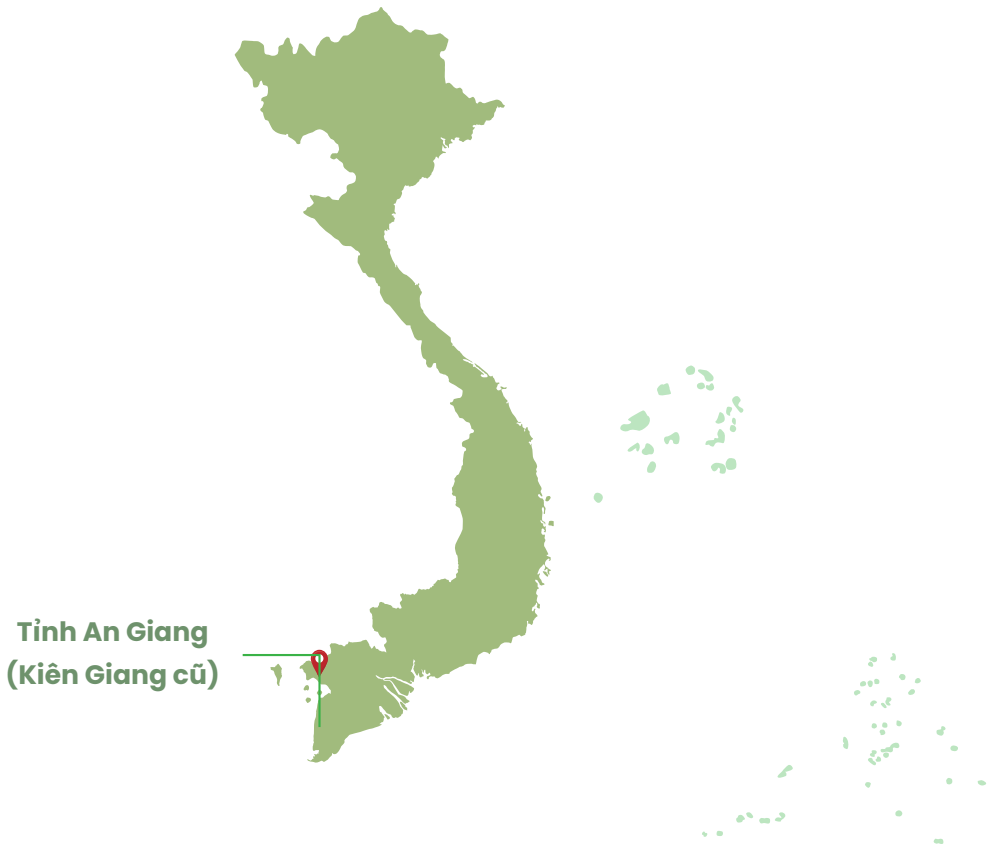
NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

- Kigimex hoạt động trong ba lĩnh vực chính: gạo, cá cơm và xăng dầu
- Ngành gạo: Thu mua, chế biến các loại gạo chất lượng cao (gạo hạt dài, gạo thơm, gạo trung bình, gạo 5%, 10%...), đóng gói theo yêu cầu và xuất khẩu sang nhiều thị trường trên thế giới.
 - Ngành cá cơm: Cung cấp cá cơm sấy khô ăn liền và cá mai sấy khô đã qua chế biến, đóng gói trong thùng carton.
 - Ngành xăng dầu: Cung ứng xăng dầu, nhớt giá sỉ, giao tận nơi cho đại lý, tàu biển và các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh.

Địa bàn kinh doanh

Trụ sở chính Kigimex tại 85-87 Lạc Hồng, phường Rạch Giá, An Giang. Công ty cung cấp gạo và cá cơm cho thị trường trong nước và quốc tế, xuất khẩu gạo sang châu Á, châu Phi, châu Âu, châu Mỹ, mở rộng sang Trung Đông năm 2022 và vào kênh phân phối các tập đoàn lớn tại châu Âu, Singapore. Cá cơm chủ yếu xuất khẩu sang Singapore, Trung Quốc, Malaysia, mang lại doanh thu đáng kể.



Đơn vị	Địa chỉ	Số điện thoại
Xí nghiệp Chế biến Lương thực Xuất khẩu Tân Phú	Ấp Tân Phú, xã Tân Hiệp, tỉnh An Giang.	0297 3834 435
Xí nghiệp Chế biến Lương thực Xuất khẩu An Hòa	44 Ngô Thời Nhiệm, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang.	0297 3910 163
Xí nghiệp Chế biến Lương thực Xuất khẩu Vĩnh Thắng	Tổ 4, ấp Vĩnh Tiến, xã Vĩnh Tuy, tỉnh An Giang.	0297 3663 838
Xí nghiệp Chế biến Lương thực Xuất khẩu Thạnh Hưng	Ấp Thạnh Trung, xã Thạnh Hưng, tỉnh An Giang.	0297 3822 113
Xí nghiệp Chế biến Lương thực Xuất khẩu Sơn Thuận	Ấp Vàm Răng, xã Sơn Kiên, tỉnh An Giang.	0297 3770 770
Xí nghiệp Kinh doanh Xăng dầu An Bình	44 Ngô Thời Nhiệm, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang.	0297 6257 049
Xí nghiệp Chế biến Cá cơm Hòn Chông	Xã Kiên Lương, tỉnh An Giang	0297 3854 316

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị của Công ty được tổ chức và vận hành theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 137 của Luật Doanh nghiệp 2020. Cấu trúc quản trị bao gồm các cấp quản lý sau:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Ban Tổng Giám đốc

Các công ty con, công ty liên kết

Công ty không có Công ty con, Công ty liên kết.



Cơ cấu bộ máy quản lý



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Tầm nhìn và sứ mệnh

Tầm nhìn

Kigimex luôn đặt mục tiêu trở thành Công ty dẫn đầu cả nước trong lĩnh vực xuất nhập khẩu lương thực, đưa thương hiệu gạo Việt vươn tầm thế giới thông qua tiêu chí “Chất lượng – Uy tín – An toàn – Hiệu quả”.



Sứ mệnh

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu lương thực, Kigimex luôn chú trọng nâng cao chất lượng và sự đồng đều của sản phẩm nhằm khẳng định vị thế nông sản Việt trên thị trường quốc tế. Công ty không ngừng cải tiến hoạt động sản xuất, đầu tư cho công tác kiểm soát chất lượng, đồng thời chú trọng đào tạo đội ngũ nhân sự nhằm nâng cao tay nghề và chuyên môn, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng và thị trường.

Các mục tiêu chủ yếu

Mục tiêu cốt lõi: Tạo dựng giá trị của doanh nghiệp theo tiêu chí

“Chất lượng – Uy tín – An toàn – Hiệu quả”



Định hướng

Phát triển bền vững, cạnh tranh bình và tiêu thụ sản phẩm trên cơ sở hoàn thành tốt chỉ tiêu kế hoạch, đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm và phát triển bền vững.



Quản trị

Tăng cường năng lực quản trị, đảm bảo vận hành minh bạch, hiệu quả và linh hoạt.



Nhân sự

Đầu tư bài bản vào công tác đào tạo và phát triển, xây dựng đội ngũ lãnh đạo và nhân sự có tính chuyên nghiệp, khả năng thích ứng cao.



Tăng trưởng

Duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định, hướng đến phát triển bền vững và đóng góp tích cực cho nền kinh tế.

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Kigimex định hướng phát triển bền vững thông qua việc xây dựng thương hiệu, duy trì văn hóa doanh nghiệp ổn định và mở rộng hoạt động sản xuất – kinh doanh. Công ty chủ động tìm kiếm đối tác chiến lược có năng lực về vốn, công nghệ và quản trị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động.

Bên cạnh đó, Kigimex tập trung nâng cao năng lực quản trị, áp dụng các phương pháp quản lý tiên tiến để tối ưu hiệu quả kinh doanh, đồng thời chú trọng kiểm soát tác động môi trường trong quá trình sản xuất, hướng tới tăng trưởng bền vững và trách nhiệm với cộng đồng.

Định hướng phát triển dài hạn

- Đa dạng hóa ngành nghề: Mở rộng danh mục sản phẩm, tối ưu nguồn thu, đầu tư thiết bị hiện đại, nâng cao chất lượng và niềm tin khách hàng.
- Ứng dụng công nghệ: Đổi mới sáng tạo, linh hoạt điều chỉnh sản xuất để duy trì lợi thế cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh.
- Phát triển nhân sự: Đào tạo chuyên sâu, nâng cao đạo đức nghề nghiệp, xây dựng đội ngũ tinh nhuệ đáp ứng nhu cầu thị trường.
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp: Duy trì môi trường làm việc tích cực, minh bạch, nâng cao nhận thức về tiết kiệm, chống lãng phí và trách nhiệm xã hội.



Các mục tiêu phát triển bền vững và chương trình liên quan đến ngắn hạn và trung hạn

- Bên cạnh hoạt động sản xuất – kinh doanh, Kigimex chú trọng bảo vệ môi trường và đóng góp cho cộng đồng. Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành cam kết thực hiện trách nhiệm xã hội thông qua các chính sách phát triển bền vững, giải quyết hiệu quả các vấn đề môi trường – xã hội và nâng cao chất lượng đời sống cộng đồng.
- Về môi trường, Công ty đầu tư hệ thống xử lý chất thải hiện đại, ứng dụng công nghệ xanh, tối ưu quy trình sản xuất, tiết kiệm năng lượng và giảm phát thải, đồng thời đào tạo nhân sự về thực hành xanh nhằm hướng tới sản xuất an

toàn và bền vững. Việc đáp ứng các tiêu chuẩn chuyển đổi xanh và yêu cầu về phát thải carbon cũng góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm gạo Việt Nam tại các thị trường tiêu chuẩn cao như EU, Nhật Bản và Mỹ.

- Về trách nhiệm xã hội, Kigimex tích cực tham gia các hoạt động hỗ trợ người dân khó khăn, cứu trợ thiên tai và từ thiện, đồng thời triển khai các sáng kiến về giáo dục, y tế, sinh kế và hợp tác với các tổ chức xã hội nhằm tạo giá trị bền vững cho cộng đồng.



CÁC RỦI RO



Rủi ro kinh tế

Hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu lương thực nông sản, kết quả kinh doanh của Kigimex chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các biến động kinh tế vĩ mô và thị trường quốc tế. Khi nền kinh tế tăng trưởng ổn định, các yếu tố như GDP, lạm phát, lãi suất và tỷ giá được kiểm soát sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngược lại, khi kinh tế suy giảm, lạm phát và lãi suất tăng, tỷ giá biến động và tăng trưởng GDP chậm lại sẽ gây áp lực lên doanh nghiệp.

Năm 2025, thị trường lương thực toàn cầu và Việt Nam ghi nhận nhiều biến động. Nhu cầu nhập khẩu gạo tại các thị trường như Philippines, Indonesia, EU (ngoài khối) và một số quốc gia châu Phi giảm mạnh, trong đó Philippines – thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam – ban hành lệnh tạm ngưng nhập khẩu gạo. Ngược lại, Trung Quốc, Brazil và Nhật Bản vẫn duy trì nhu cầu cao. Ở phía nguồn cung, Ấn Độ vẫn giữ vị thế xuất khẩu nhưng tăng trưởng chậm lại, trong khi Việt Nam và Thái Lan ghi nhận sự sụt giảm; Trung Quốc, Brazil và Argentina dần gia tăng hiện diện trên thị trường. Lũy kế đến hết tháng

11/2025, xuất khẩu gạo của Việt Nam giảm 10,9% về sản lượng và 18,5% về giá so với năm 2024. Đồng thời, lạm phát cơ bản trong nước tăng 3,21% khiến chi phí đầu vào, điện năng và xăng dầu gia tăng. Trước bối cảnh đó, Kigimex chủ động theo dõi diễn biến thị trường, điều chỉnh chiến lược kinh doanh, tối ưu chi phí và ký hợp đồng dài hạn với đối tác để ổn định nguồn cung. Công ty cũng đa dạng hóa sản phẩm xuất khẩu, tập trung vào các dòng gạo cao cấp và thơm như Japonica, ST24, ST25 nhằm nâng cao chất lượng, củng cố chuỗi giá trị và duy trì lợi thế cạnh tranh.



Rủi ro pháp luật

Kigimex là công ty đại chúng hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xuất khẩu lúa gạo, chiếm khoảng 90% tổng doanh thu, và chịu sự điều chỉnh của nhiều khung pháp lý như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Đầu tư, Luật Quản lý Ngoại thương và Luật Thương mại. Việc tuân thủ các quy định này giúp đảm bảo hoạt động ổn định và tạo nền tảng cho phát triển bền vững.

Trong bối cảnh hệ thống pháp luật tiếp tục được hoàn thiện, đặc biệt với các thay đổi từ Luật số 56/2024/QH15 và các quy định mới hướng tới nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam lên nhóm mới nổi năm 2025, Kigimex có thể đối mặt với một số rủi ro pháp lý liên quan đến tuân thủ, báo cáo và quản trị doanh nghiệp. Tuy nhiên, các thay đổi này cũng mở ra cơ hội nâng cao chất lượng quản trị, minh bạch thông tin và tăng niềm tin của cổ đông, nhà đầu tư.

Để hạn chế rủi ro, Kigimex chủ động cập nhật quy định pháp luật, điều chỉnh quy trình nội bộ và duy trì hệ thống quản trị hiệu quả nhằm đảm bảo tuân thủ, bảo vệ lợi ích doanh nghiệp và cổ đông.

Rủi ro tỷ giá

Hoạt động trong lĩnh vực xuất khẩu lương thực sang các thị trường châu Á, châu Phi..., kết quả kinh doanh của Kigimex chịu ảnh hưởng từ biến động tỷ giá. Tuy nhiên, rủi ro tỷ giá của công ty ở mức kiểm soát được do không phát sinh chi phí nhập khẩu nguyên vật liệu hay đầu tư thiết bị bằng ngoại tệ, qua đó hạn chế tác động khi USD tăng giá.



Bên cạnh đó, với chính sách điều hành của Ngân hàng Nhà nước, tỷ giá USD/VND thường dao động trong biên độ khoảng $\pm 5\%$, tạo môi trường tương đối ổn định cho hoạt động xuất khẩu. Công ty cũng theo dõi sát diễn biến thị trường ngoại hối, chủ động điều chỉnh chính sách bán hàng, quản trị dòng tiền và cân đối nguồn thu ngoại tệ nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của biến động tỷ giá đến biên lợi nhuận và hiệu quả kinh doanh.



CÁC RỦI RO



Rủi ro lãi suất

Sự biến động về lãi suất cũng là một trong những rủi ro đặc thù ngành mà Kigimex phải đối diện. Với nhu cầu sử dụng dòng vốn lưu động lớn, Công ty đã sử dụng đòn bẩy tài chính từ các khoản vay ngân hàng dài-ngắn hạn, lãi suất hiện dao động từ 2% đến 9,7% đối với các khoản vay khác nhau.

.Dù Ngân hàng Nhà nước duy trì chính sách tiền tệ mở rộng, lãi suất vẫn chịu áp lực từ lạm phát, biến động chính trị toàn cầu và khả năng thắt chặt chính sách tiền tệ quốc tế, làm tăng chi phí vốn và ảnh hưởng đến lợi nhuận cũng như khả năng đầu tư của Công ty, đòi hỏi quản lý rủi ro lãi suất một cách chủ động.

Trong năm 2025, Kigimex chủ động quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi sát diễn biến thị

trường, thương thảo với các ngân hàng lớn như Vietcombank và BIDV để duy trì lãi suất vay cạnh tranh, giảm phụ thuộc vào các khoản vay ngắn hạn có chi phí cao. Công ty cũng tối ưu hóa cơ cấu nợ, cắt giảm chi phí tài chính và quản lý dòng tiền linh hoạt, giúp giảm gánh nặng lãi vay, bảo toàn vốn và đảm bảo hoạt động kinh doanh ổn định trong bối cảnh lãi suất biến động.

Rủi ro giá nguyên liệu

Năm 2025, Việt Nam chịu nhiều thiên tai và tác động của biến đổi khí hậu, gây thiệt hại khoảng 85.099 tỷ đồng và làm hơn 550.000 ha lúa, hoa màu bị ngập úng. Tình trạng bão chống bão, lũ quét và sạt lở đất tại các vùng trọng điểm như Đồng bằng sông Cửu Long và miền Bắc làm gián đoạn nguồn cung, khiến giá lúa – chiếm hơn 90% giá vốn hàng bán – tăng và chi phí logistics gia tăng. Đồng thời, cạnh tranh từ Thái Lan, Ấn Độ, Pakistan và Myanmar cũng gây áp lực lên biên lợi nhuận của công ty.

Để ứng phó, Kigimex theo dõi sát thị trường, ký hợp đồng dài hạn với nhà cung cấp nhằm ổn định giá thu mua, tối ưu chi phí sản xuất và tăng tỷ lệ chế biến. Công ty cũng quản lý linh hoạt cơ sở vật chất, đảm bảo nguồn nguyên liệu ổn định và triển khai

các giải pháp dài hạn như đầu tư hệ thống xử lý chất thải, ứng dụng công nghệ trong quản lý nông sản nhằm giảm thiểu rủi ro từ thiên tai và biến động thị trường.



Rủi ro cạnh tranh

Năm 2025, ngành xuất khẩu gạo gặp rất nhiều bất lợi khi nhu cầu nhập khẩu gạo của các thị trường lớn giảm mạnh, làm cho mức độ cạnh tranh tăng cao giữa doanh nghiệp không chỉ trong nước mà còn từ các đối thủ quốc tế như Ấn Độ, Thái Lan... Myanmar liên tục cạnh tranh về giá, chất lượng và năng lực logistics, tạo sức ép lớn lên biên lợi nhuận và thị phần của Công ty, khiến môi trường cạnh tranh thêm khắt khe.

Trước những thách thức này, Kigimex tập trung nâng cao chất lượng sản phẩm, chuẩn hóa quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn quốc tế và củng cố mạng lưới thu mua để đảm bảo nguồn cung ổn định. Công ty cũng đẩy mạnh hợp tác với các đối tác chiến lược,

đa dạng hóa thị trường, áp dụng chính sách giá linh hoạt và đầu tư vào năng lực logistics nhằm nâng cao hiệu quả giao hàng. Các giải pháp này giúp Kigimex duy trì lợi thế cạnh tranh và giảm thiểu rủi ro trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gia tăng.

Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro đặc thù ngành, Kigimex còn phải đối mặt với những rủi ro khách quan nằm ngoài khả năng kiểm soát như thiên tai, dịch bệnh hay sự cố cháy nổ. Dù tần suất không cao, các sự kiện này có thể gây thiệt hại đáng kể cho tài sản, làm gián đoạn hoạt động và ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của

Công ty.

Để chủ động phòng ngừa, Công ty tổ chức kiểm tra và bảo trì định kỳ, thực hiện nghiêm các quy định về phòng cháy chữa cháy, theo dõi sát diễn biến thời tiết và duy trì đầy đủ các loại bảo hiểm cần thiết nhằm giảm thiểu thiệt hại khi rủi ro phát sinh.





CHƯƠNG 2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% Năm 2025/ Năm 2024
1	Tổng giá trị tài sản	1.036.331	657.640	63,46%
2	Doanh thu thuần	7.402.980	5.231.522	70,67%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	15.070	22.376	148,47%
4	Lợi nhuận trước thuế	15.258	20.886	136,88%
5	Lợi nhuận sau thuế	5.232	14.481	276,68%

Năm 2025, tổng tài sản của Kigimex đạt 657.640 triệu đồng, giảm 36,54% so với năm trước. Các khoản phải thu ngắn hạn giảm mạnh do Công ty đẩy mạnh thu hồi công nợ, trong khi hàng tồn kho giảm hơn 50% nhờ tăng tiêu thụ và giải phóng lượng tồn từ năm trước, góp phần cải thiện dòng tiền và giảm nhu cầu vốn lưu động.

Doanh thu thuần đạt 5.231.522 triệu đồng, giảm gần

30%, nhưng lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tăng gần 50% nhờ tối ưu chi phí, đặc biệt là chi phí lãi vay và chi phí bán hàng. Lợi nhuận trước thuế và sau thuế lần lượt đạt 20.886 triệu đồng và 14.481 triệu đồng, tăng 36,88% và 176,68% so với năm 2024, cho thấy doanh nghiệp đã cải thiện quản trị vốn và nâng cao hiệu quả tài chính.



Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch Năm 2025	Thực hiện Năm 2025	TH/KH 2025
I Mua vào					
1	Lúa, gạo quy gạo	Tấn	278.000	352.940	126,96%
2	Cá cơm tươi	Tấn	900	855	95,00%
3	Xăng dầu	Nghìn lít	18.000	20.068	111,49%
II Bán ra					
1	Lúa, gạo quy gạo	Tấn	278.000	349.632	125,77%
-	Xuất khẩu	Tấn	278.000	349.632	125,77%
-	Nội địa	Tấn	-	-	
2	Cá cơm (thành phẩm)	Tấn	225	266	118,22%
3	Xăng dầu	Nghìn lít	18.000	19.807	110,04%
III Kim ngạch					
1	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	156,85	159,52	101,70%
2	Kim ngạch nhập khẩu	Triệu USD	-	-	0,00%
IV	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	4.550	5.232	114,98%
V	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	15,500	20,886	134,77%
VI	Nộp NSNN	Tỷ đồng	3,89	11,809	303,57%

Dù thị trường gạo thế giới xảy ra nhiều biến động trong năm 2025, kinh doanh lúa, gạo vẫn là ngành kinh doanh cốt lõi của Kigimex. Sản lượng lúa gạo bán ra đạt 349.632 tấn, vượt 25,77% so với kế hoạch đề ra. Ngành xăng dầu dù chiếm tỉ trọng nhỏ nhưng vẫn vượt mức kế hoạch đề ra ban đầu. Về phía ngành cá cơm, việc thị trường đang dần phục hồi

cũng như Công ty đẩy mạnh phát triển các dòng sản phẩm mới giúp doanh thu đạt 266 tấn, vượt 18,22% so với kế hoạch đề ra. Ngoài ra, kim ngạch xuất khẩu của Công ty cũng vừa đạt mục tiêu trong năm với giá trị 159,52 triệu USD, hơn 1,70% so với kế hoạch.

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Danh sách Ban Điều hành

Tại ngày 31/12/2025

STT	Thành viên	Chức vụ	Cá nhân sở hữu		Đại diện sở hữu	
			Cá nhân sở hữu	Đại diện sở hữu	Cá nhân sở hữu	Đại diện sở hữu
1	Bà Dương Thị Thanh Nguyệt	Phó Chủ tịch HĐQT thường trực kiêm TGD	101.500	0,40%	5.927.472	23,31%
2	Ông Phạm Minh Trung	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	0	0%	2.542.888	10,00%
3	Ông Nguyễn Mai Thái Sơn	Phó TGD	2.800	0,01%	0	0%
4	Bà Trần Thị Điệp	Kế toán trưởng	4.500	0,02%	0	0%

Lý lịch thành viên

BÀ DƯƠNG THỊ THANH NGUYỆT
Phó Chủ tịch thường trực HĐQT kiêm TGD, người công bố thông tin

Ngày sinh:

27/02/1975

Quốc tịch:

Việt Nam

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Tài chính Kế toán

Chức vụ tại các tổ chức khác:

Không có

Số lượng CP sở hữu:

6.028.972 cổ phần, chiếm 23,71% vốn điều lệ, trong đó gồm:

- Cá nhân sở hữu: 101.500 cổ phần, chiếm 0,40% vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu: 5.927.472 cổ phần, chiếm 23,31% vốn điều lệ (đại diện cho Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty cổ phần).

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác

Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:

Không có

ÔNG PHẠM MINH TRUNG
Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD

Ngày sinh:

19/02/1981

Quốc tịch:

Việt Nam

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Quản trị kinh doanh

Chức vụ tại các tổ chức khác:

Không có

Số lượng CP sở hữu:

5.242.888 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ, trong đó gồm:

- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu: 5.242.888 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ.

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác:

Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:

STT	Tên người có liên quan	Quan hệ với người nội bộ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ CP sở hữu
1	Quách Thúy Hằng	Vợ	5.900	0,023%
2	Phạm Minh Tùng	Anh ruột	11.500	0,045%



TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Danh sách ban điều hành

Lý lịch thành viên

ÔNG NGUYỄN MAI THÁI SƠN

Phó TGD kiêm Giám đốc Xí nghiệp CBLT XK Vĩnh Thắng

Ngày sinh: 20/4/1988

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

Chức vụ tại các tổ chức khác: Không có

Số lượng CP sở hữu: 2.800 Cổ phiếu, chiếm 0,01% vốn điều lệ, trong đó gồm:

- Cá nhân sở hữu: 2.800 Cổ phiếu, chiếm 0,01% vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu: 0 Cổ phần.

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

BÀ TRẦN THỊ ĐIỆP

Kế toán trưởng

Ngày sinh: 28/02/1975

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán

Chức vụ tại các tổ chức khác: Không có

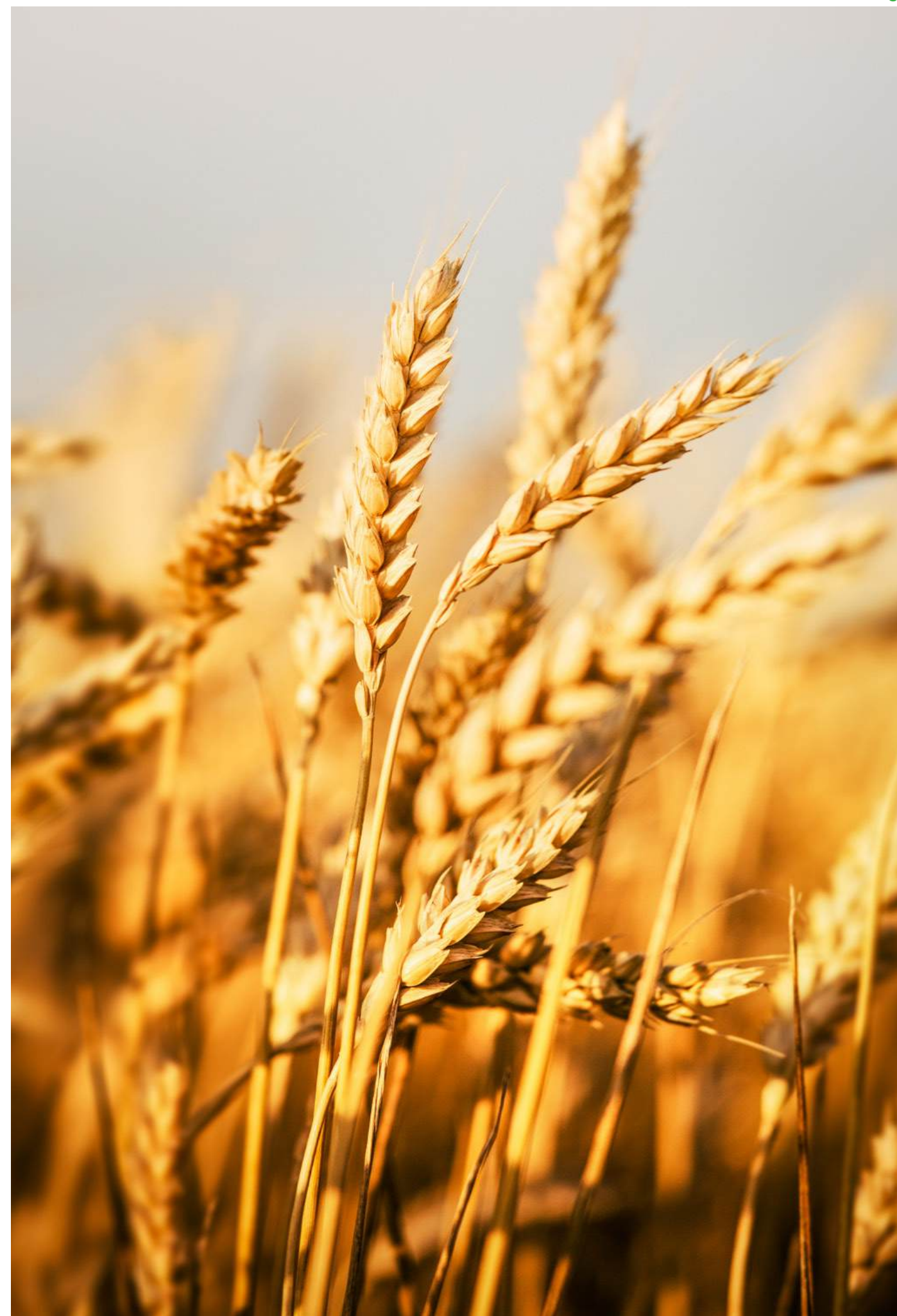
Số lượng CP sở hữu: 4.500 cổ phần, chiếm 0,02% cổ phần, chiếm 0,02% vốn điều lệ.

- Cá nhân sở hữu: 4.500 cổ phần, chiếm 0,02% vốn điều lệ.
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

Những thay đổi trong ban điều hành trong năm 2025: Không có



TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Số lượng cán bộ, nhân viên

Cơ cấu nhân sự tính tại ngày 31/12/2025

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	272	100,00%
1	Trên đại học	3	1,10%
2	Đại học	95	34,93%
3	Cao đẳng	17	6,25 %
4	Trung cấp	44	16,18%
5	Công nhân kỹ thuật	42	15,44%
6	Lao động phổ thông	71	26,10%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	272	100,00%
1	Hợp đồng không xác định thời hạn	226	83,09%
2	Hợp đồng xác định thời hạn từ 1-3 năm	46	16,91%
C	Theo giới tính	272	100,00%
1	Nam	203	74,63%
2	Nữ	69	25,37%

Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Tổng số lượng người lao động (người)	264	254	268	272
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	7.680.000	11.190.000	11.630.000	12.282.000



Chính sách nhân sự

Tại Kigimex

Tinh thần trách nhiệm, gắn kết và cam kết lâu dài là những giá trị cốt lõi trong tuyển dụng và đánh giá nhân sự. Công ty xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, minh bạch và luôn bảo vệ quyền lợi người lao động, duy trì đội ngũ ổn định, không cắt giảm lương ngay cả trong giai đoạn kinh tế khó khăn.

Về đào tạo

Để nâng cao chất lượng nhân lực, Kigimex triển khai các chương trình đào tạo chuyên môn và nghiệp vụ xuất khẩu, giúp nhân viên cải thiện kỹ năng và hiểu rõ quy trình, văn hóa doanh nghiệp. Đồng thời, Công ty cũng đào tạo ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo (A.I) trong công việc nhằm nâng cao khả năng thích ứng trong bối cảnh chuyển đổi số.



TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Chính sách nhân sự



Về tuyển dụng

Kigimex coi chất lượng nhân sự là yếu tố trọng tâm trong chiến lược phát triển. Công ty áp dụng quy trình tuyển dụng minh bạch, theo tiêu chuẩn quốc tế và thường xuyên cập nhật tiêu chí, đặc biệt đối với các vị trí quản lý. Bên cạnh trình độ và kỹ năng, Kigimex ưu tiên những ứng viên có thái độ tích cực và cam kết lâu dài nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh doanh.



Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Kigimex xây dựng chính sách lương, thưởng và phúc lợi cạnh tranh nhằm thu hút và giữ chân nhân tài. Công ty đảm bảo chi trả lương đúng hạn, thực hiện đầy đủ chế độ BHXH và tổ chức các hoạt động phúc lợi cho người lao động. Chính sách khen thưởng được áp dụng công bằng, dựa trên kết quả công việc, góp phần tạo động lực và tăng sự gắn bó của nhân viên với công ty.



Về môi trường làm việc

Công ty chú trọng xây dựng môi trường làm việc tích cực nhằm nâng cao tâm lý và hiệu suất của nhân viên. Công ty đề cao văn hóa bình đẳng, khuyến khích sáng tạo và quan tâm đến sức khỏe người lao động thông qua các chế độ bảo hiểm, khám sức khỏe định kỳ và hỗ trợ khi cần thiết. Bên cạnh đó, các hoạt động văn nghệ, giao lưu và du lịch thường xuyên được tổ chức nhằm tăng sự gắn kết và giảm áp lực công việc.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Kế hoạch đầu tư – xây dựng cơ bản với tổng giá trị đầu tư được duyệt theo 2 Nghị quyết số 60/NQ-XNK-ĐHĐCĐ ngày 15/5/2025 và Nghị quyết số 124/NQ-XNK-HĐQT ngày 20/8/2025 là 19,85 tỷ đồng, trong đó, nguồn vốn từ Công ty là 10,66 tỷ đồng, còn lại là vốn vay. Tính đến ngày 30/9/2025, giá trị thực hiện đạt 13,475 tỷ đồng, tương đương 67,9% kế hoạch; các hạng mục còn lại dự kiến hoàn thành trong năm. Ước tính giá trị thực hiện cả năm đạt 16,65 tỷ đồng, thấp hơn kế hoạch 3,2 tỷ đồng do công ty tạm dừng sửa chữa thiết bị cũ, một số hạng mục có chi phí thấp hơn dự toán và bổ sung đầu tư các hạng mục phục vụ sản xuất như lau bóng sau sortex và máy sấy cá cơm.

Đối với công tác sửa chữa lớn, theo

Nghị quyết số 122/NQ-XNK-HĐQT, tổng giá trị được phê duyệt là 8,245 tỷ đồng. Công ty đã triển khai 5/6 hạng mục với giá trị 2,95 tỷ đồng, đạt 35,8% kế hoạch và dự kiến hoàn thành toàn bộ trong năm 2025.

Trong quản lý tài sản, Kigimex tối ưu việc sử dụng kho bãi và thiết bị tại các xí nghiệp trực thuộc. Công ty đã kiểm kê và đang hoàn tất thủ tục thanh lý 250 danh mục tài sản với giá trị còn lại 3,075 tỷ đồng. Đồng thời, Kigimex ký các hợp đồng thuê đất phục vụ sản xuất kinh doanh với thời hạn tối đa 50 năm, gồm 867,7 m² thuê trả tiền một lần cho trụ sở và bãi xe, và 299.032,2 m² thuê trả tiền hàng năm để phục vụ chế biến lương thực, cá cơm xuất khẩu và kinh doanh xăng dầu.

Các công ty con, công ty liên kết

Hiện công ty chưa có công ty con hay công ty liên kết

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	2025/2024
1	Tổng giá trị tài sản	1.036.331	657.640	63,46%
2	Doanh thu thuần	7.402.980	5.231.522	70,67%
3	Giá vốn hàng bán	6.773.860	4.670.341	68,95%
4	Chi phí tài chính	97.340	56.759	58,31%
5	Chi phí bán hàng	501.457	445.494	88,84%
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	66.375	72.251	108,85%
7	Doanh thu hoạt động tài chính	51.123	35.698	69,83%
8	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	15.071	22.376	148,47%
9	Lợi nhuận khác	187	(1.490)	-
10	Lợi nhuận trước thuế	15.258	20.886	136,88%
11	Lợi nhuận sau thuế	5.234	14.481	276,68%

Năm 2025, hoạt động xuất khẩu gạo của Kigimex đối mặt với nhiều thách thức khi thị trường lương thực thế giới biến động và một số quốc gia đối tác trọng yếu thực hiện chính sách điều tiết nhập khẩu, làm suy giảm nhu cầu. Trong bối cảnh đó, doanh thu thuần của Công ty đạt 5.231.522 triệu đồng, tương đương 70,67% so với năm 2024. Dù doanh thu giảm gần 30%, Công ty đã chủ động điều chỉnh cơ cấu hoạt động và tăng cường quản trị tài chính, giúp giảm phụ thuộc vào vốn vay và tiết kiệm chi phí tài chính. Giá vốn hàng bán giảm 31,05%, nhanh hơn tốc độ giảm của doanh thu, góp phần cải thiện biên

lợi nhuận. Đáng lưu ý, năm 2025 Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, trong khi năm 2024 ghi nhận hoàn nhập dự phòng. Điều này cho thấy mức cải thiện biên lợi nhuận trong năm 2025 không đến từ yếu tố kế toán thuận lợi mà phản ánh sự cải thiện thực chất trong quản lý chi phí và hiệu quả hoạt động cốt lõi. Nhờ những giải pháp điều hành linh hoạt và kiểm soát chi phí hiệu quả, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh đạt 22.376 triệu đồng, tăng 48,47% so với năm trước, tiếp tục củng cố nền tảng tài chính và khả năng thích ứng của Công ty trong bối cảnh thị trường nhiều biến động.

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025
----------	-----	----------	----------

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,11	1,29
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,43	0,67

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	74,42	58,26
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	290,92	139,58

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	13,32	12,32
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	7,07	6,18

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,07	0,28
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	1,95	5,37
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	0,5	1,71
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	0,2	0,43

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

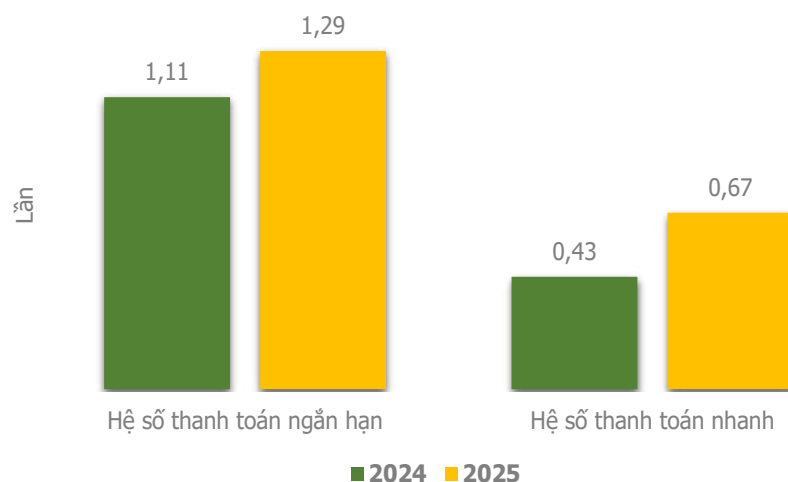
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu



Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn tăng nhẹ lên 1,29, cho thấy khả năng đáp ứng nghĩa vụ ngắn hạn của Công ty được cải thiện. Tài sản ngắn hạn giảm do Kigimex đẩy mạnh thu hồi công nợ từ các khách hàng như Sikakroabea Co. Ltd, Three Hills Ghana Limited, XNK Ngọc Thiên Hương và các đối tác khác, đồng thời hàng tồn kho giảm hơn 50% nhờ tăng tiêu thụ và giải phóng lượng tồn từ năm trước. Bên cạnh đó, dù một số khoản phải trả tăng, tổng nợ ngắn hạn vẫn giảm mạnh do Công ty giảm phụ thuộc vào vốn vay ngân hàng.

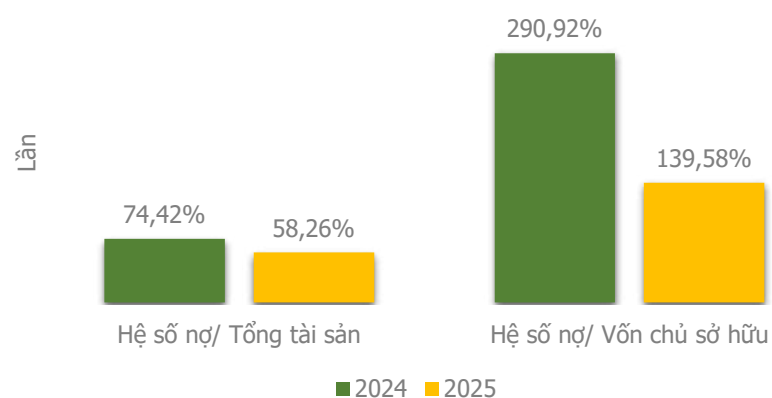
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán



Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Năm 2025, cơ cấu nguồn vốn của Kigimex chuyển biến theo hướng an toàn hơn. Hệ số Nợ/Tổng tài sản giảm từ 74,42% xuống 58,26%. Đồng thời, hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu giảm từ 290,92% xuống 139,58%, cho thấy Công ty đã giảm sử dụng đòn bẩy tài chính và hạn chế phụ thuộc vào vốn vay, đặc biệt là nợ ngắn hạn. Đồng thời, vốn chủ sở hữu tiếp tục được củng cố nhờ kết quả kinh doanh trong năm, góp phần nâng cao mức độ tự chủ tài chính.

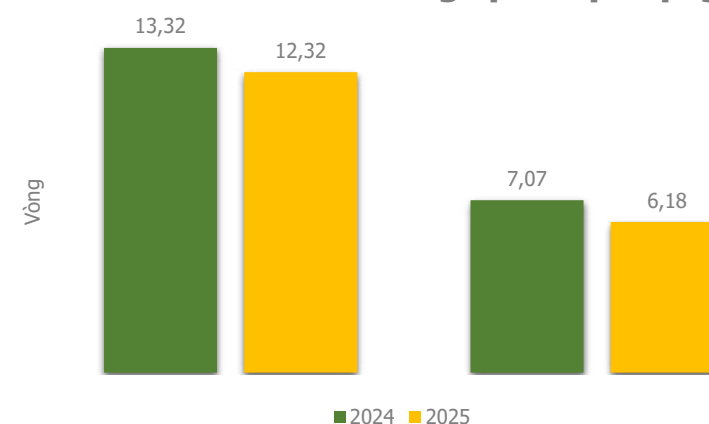
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn



Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Năm 2025, hiệu quả hoạt động của Kigimex ghi nhận một số thay đổi. Vòng quay hàng tồn kho giảm từ 13,32 vòng xuống 12,32 vòng do giá vốn hàng bán giảm nhanh hơn mức giảm của hàng tồn kho, khiến tốc độ luân chuyển tồn kho chậm lại. Diễn biến này chủ yếu phản ánh sự điều chỉnh quy mô kinh doanh trong bối cảnh thị trường xuất khẩu gặp khó khăn. Bên cạnh đó, vòng quay tổng tài sản cũng ghi nhận giảm, chủ yếu do doanh thu thuần sụt giảm trong bối cảnh thị trường xuất khẩu gặp nhiều thách thức.

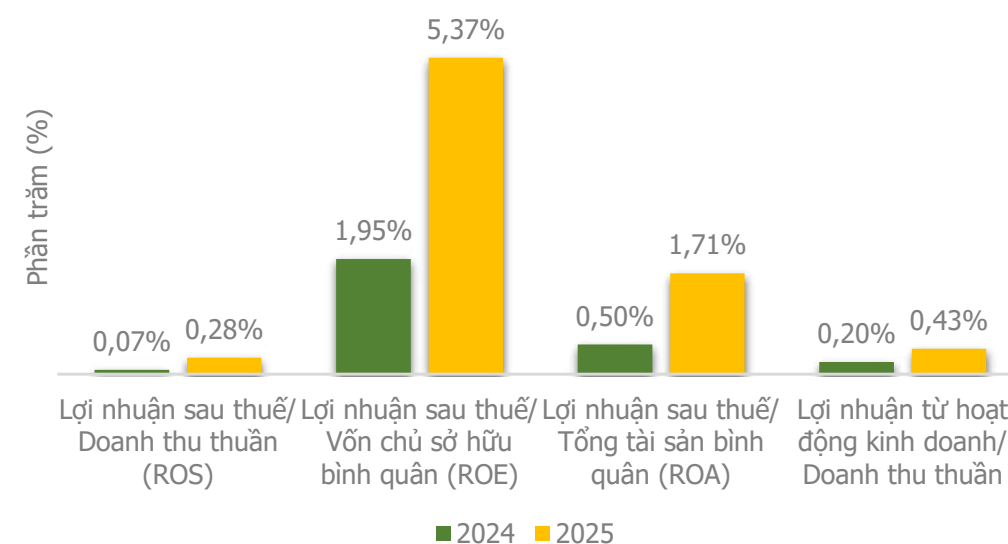
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động



Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Các chỉ số sinh lời của Công ty đều tăng nhờ tối ưu chi phí và cải thiện lợi nhuận. Cụ thể, ROS tăng từ 0,07% lên 0,28%, ROE từ 1,95% lên 5,37% và ROA từ 0,5% lên 1,71%, trong khi hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần tăng từ 0,2% lên 0,43%. Kết quả này cho thấy hiệu quả sử dụng vốn và tài sản được cải thiện dù doanh thu thuần giảm, chủ yếu nhờ kiểm soát chặt chi phí, tối ưu giá vốn, giảm chi phí tài chính và nâng cao hiệu quả quản trị vận hành.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời



Đánh giá chung

Nhìn chung, năm 2025 Kigimex đã cải thiện chất lượng hoạt động so với năm trước. Dù doanh thu thuần giảm, Công ty chủ động tái cấu trúc nguồn vốn, giảm đòn bẩy tài chính và kiểm soát chi phí hiệu quả, qua đó cải thiện các chỉ tiêu sinh lời như ROS, ROE và ROA. Đồng thời, cơ cấu vốn an toàn hơn, khả năng thanh toán được nâng cao, tạo nền tảng tài chính ổn định cho giai đoạn tới.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Thông tin cổ phần



Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 25.430.000 cổ phiếu

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu: Không có.

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 0% (*)

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận hồ sơ thông báo thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo Công văn số 3155/UBCK-PTTT ngày 04/7/2025.

Cơ cấu cổ đông

Tính tại ngày 31/12/2025

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông Nhà nước	21.184.800	21.184.800	83,31%
II	Cổ đông trong nước	4.244.900	4.244.900	16,69%
1	Cá nhân	4.227.800	4.240.100	16,63%
2	Tổ chức	17.100	4.800	0,07%
III	Cổ đông nước ngoài	300	300	0,001%
1	Cá nhân	300	300	0,001%
2	Tổ chức	-	-	-
Tổng cộng		25.430.000	25.430.000	100%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có



Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

Tiêu thụ nước

Lượng nước Kigimex tiêu thụ chủ yếu phục vụ vận chuyển và lưu kho lúa gạo. Công ty kiểm soát chặt hệ thống cấp nước thông qua kiểm tra, bảo trì định kỳ và kịp thời khắc phục rò rỉ. Đồng thời, việc sử dụng nước tiết kiệm được quán triệt trong toàn đơn vị nhằm nâng cao ý thức bảo vệ và sử dụng bền vững nguồn nước.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Năm 2025, Kigimex tiếp tục tuân thủ nghiêm các quy định về bảo vệ môi trường và chưa từng bị xử phạt do có hành vi vi phạm kể từ khi thành lập. Việc tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường đã giúp Công ty hạn chế được các rủi ro về pháp lý, đồng thời nâng cao uy tín với khách hàng và tín nhiệm của cơ quan quản lý với hoạt động của Công ty.

Tác động lên môi trường

Trước tác động của biến đổi khí hậu, ngành lúa gạo đang thúc đẩy các giải pháp như phát triển giống chịu hạn, áp dụng canh tác bền vững và giảm phát thải methane, trong đó có phương pháp canh tác lúa không ngập nước. Năm 2025, các diễn đàn quốc tế như COP30, Hội nghị Bonn (SB62) và Direct-Seeded Rice Conclave tiếp tục thảo luận về thích ứng khí hậu, tài chính khí hậu và công nghệ canh tác tiết kiệm nước, tạo cơ hội hợp tác phát triển nông nghiệp bền vững cho các quốc gia sản

xuất lúa gạo, trong đó có Việt Nam.

Đối với Kigimex, do gạo là chủ lực và có liên quan đến phát thải từ quá trình canh tác, Công ty khuyến khích nông dân sử dụng phân bón hợp lý nhằm giảm phát thải và bảo vệ môi trường đất. Đồng thời, Kigimex nâng cao ý thức bảo vệ môi trường trong nội bộ và tuân thủ nghiêm các quy định môi trường, thể hiện cam kết phát triển bền vững gắn với trách nhiệm xã hội.

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Trước tác động của biến đổi khí hậu, ngành lúa gạo đang thúc đẩy các giải pháp như phát triển giống chịu hạn, áp dụng canh tác bền vững và giảm phát thải methane, trong đó có phương pháp canh tác lúa không ngập nước. Năm 2025, các diễn đàn quốc tế như COP30, Hội nghị Bonn (SB62) và Direct-Seeded Rice Conclave tiếp tục thảo luận về thích ứng khí hậu, tài chính khí hậu và công nghệ canh tác tiết kiệm nước, tạo cơ hội hợp tác phát triển nông nghiệp bền vững cho các quốc gia sản xuất lúa gạo, trong đó có Việt Nam.

Đối với Kigimex, do gạo là sản phẩm chủ lực và có liên quan đến phát thải từ quá trình canh tác, Công ty khuyến khích nông dân sử dụng phân bón hợp lý nhằm giảm phát thải và bảo vệ môi trường đất. Đồng thời, Kigimex nâng cao ý thức bảo vệ môi trường trong nội bộ và tuân thủ nghiêm các quy định môi trường, thể hiện cam kết phát triển bền vững gắn với trách nhiệm xã hội.

Tiêu thụ năng lượng

Điện và xăng dầu là hai nguồn năng lượng thiết yếu trong hoạt động của Kigimex. Công ty chú trọng sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả thông qua việc kiểm soát quy trình vận hành, nâng cao ý thức tiết kiệm trong nhân viên, bảo trì định kỳ hệ thống máy móc và từng bước thay thế thiết bị lạc hậu bằng công nghệ tiết kiệm nhiên liệu. Các biện pháp này giúp giảm chi phí sản xuất, hạn chế tác động môi trường và hướng tới phát triển bền vững.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Chính sách liên quan đến người lao động

Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Chỉ tiêu	2022	2023	2024	2025
Tổng số lượng người lao động (người)	264	254	268	272
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	7.680.000	11.190.000	11.630.000	12.282.000

Sau khi sắp xếp lại lao động, tổng số lao động đến thời điểm 31/12/2025 là 272 năng người, tăng 4 người so với năm 2024. Mức lương trung bình của một người lao động trong một tháng tại Công ty là 12.282.000 đồng, tăng 5,61% so với năm 2024.

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Chính sách lao động tại Kigimex ngày càng được chú trọng nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi cho người lao động. Công ty xây dựng môi trường làm việc năng động, công bằng, thân thiện, đồng thời chăm lo cả vật chất lẫn tinh thần cho nhân viên. Năm 2025, tổng quỹ lương đạt 42,190 tỷ đồng, với mức bình quân 12,93 triệu đồng/người/tháng. Ngoài ra, Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi hợp pháp và nâng cao phúc lợi cho người lao

động. Bên cạnh đó, các chế độ tiền lương, thưởng, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp được thực hiện đầy đủ, kịp thời; quỹ khen thưởng và phúc lợi được sử dụng để chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ công nhân viên. Công ty cũng quan tâm tổ chức khám sức khỏe định kỳ, hỗ trợ người lao động trong các trường hợp khó khăn, qua đó góp phần xây dựng môi trường làm việc ổn định, an toàn và gắn bó lâu dài.



Hoạt động đào tạo người lao động

Kigimex chú trọng đào tạo và phát triển người lao động nhằm nâng cao chuyên môn, kỹ năng và hiệu quả làm việc. Các chương trình đào tạo được tổ chức định kỳ, phù hợp với từng vị trí. Đồng thời, Công ty khuyến khích chia sẻ kinh nghiệm nội bộ và tham gia các hội thảo bên ngoài nhằm nâng cao năng lực và xây dựng môi trường làm việc tích cực, ổn định.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Năm 2025, Kigimex tiếp tục gắn hoạt động sản xuất – kinh doanh với trách nhiệm cộng đồng thông qua các chương trình an sinh xã hội tại địa phương như trao học bổng khuyến học, hỗ trợ người mù, ủng hộ đồng bào bị thiên tai và tặng gạo cho các mái ấm, người già neo đơn. Những hoạt động này góp phần cải thiện đời sống cộng đồng và thể hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Thị trường vốn xanh mở ra cơ hội huy động nguồn lực cho các dự án bảo vệ môi trường và phát triển bền vững. Hiện KGM chưa tham gia thị trường này, nhưng vẫn định hướng phát triển bền vững trong hoạt động sản xuất – kinh doanh và chú trọng thực hiện các trách nhiệm về môi trường. Trong tương lai, khi điều kiện phù hợp, những định hướng hiện nay sẽ là nền tảng để Công ty từng bước triển khai các dự án xanh, hỗ trợ chiến lược phát triển dài hạn.





CHƯƠNG 3

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản
xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức,
chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Giải trình của Ban Tổng Giám Đốc
đối với ý kiến kiểm toán

Báo cáo đánh giá liên quan đến
trách nhiệm về môi trường và xã hội
của Công ty

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây

Đánh giá chung

Nhìn chung, năm 2025 Kigimex hoạt động trong bối cảnh môi trường kinh doanh nhiều biến động, khi các lĩnh vực kinh doanh chính đều chịu những áp lực nhất định. Ngành lương thực đối mặt với rủi ro về thời tiết, nguồn cung và chất lượng nguyên liệu, cùng với chi phí đầu vào gia tăng; ngành xăng dầu chịu tác động từ biến động giá thế giới và cơ chế điều hành trong nước; trong khi ngành cá cơm gặp khó khăn do nguồn nguyên liệu khai thác thiếu ổn định và yêu cầu ngày càng cao về chất lượng, an toàn thực phẩm. Trước những thách thức đó, Công ty đã chủ động điều chỉnh hoạt động sản xuất – kinh doanh, tăng cường quản lý chi phí và nguồn cung nhằm duy trì hoạt động ổn định và từng bước nâng cao hiệu quả kinh doanh.



THUẬN LỢI

Trong năm 2025, Công ty có nhiều điều kiện thuận lợi để triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh nhờ sự hỗ trợ từ Tổng công ty Lương thực miền Nam – công ty cổ phần, sự định hướng và giám sát hiệu quả của Hội đồng quản trị cùng tinh thần đoàn kết của tập thể cán bộ nhân viên. Các

ngân hàng thương mại tiếp tục hỗ trợ nguồn vốn, trong khi Công ty duy trì tốt quan hệ với khách hàng trong và ngoài nước, đặc biệt là các đối tác truyền thống. Thị trường xuất khẩu tập trung chủ yếu tại châu Phi, trong đó Ghana chiếm tỷ trọng lớn, đồng thời mở rộng sang Philippines và Hàn Quốc với

các sản phẩm chủ lực như gạo thơm và gạo Japonica. Bên cạnh đó, sản xuất lúa tại Đồng bằng sông Cửu Long diễn biến thuận lợi, đặc biệt vụ Đông Xuân 2024–2025 đạt hơn 10,6 triệu tấn, góp phần đảm bảo nguồn nguyên liệu ổn định cho Công ty.

KHÓ KHĂN

Ngành lương thực

Hệ thống máy móc, thiết bị dù đã được nâng cấp nhưng chưa đồng bộ, khiến công suất chế biến còn hạn chế và chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của khách hàng. Chất lượng sản phẩm chưa đạt kỳ vọng về độ trong, độ bóng, trong khi công suất đóng gói túi nhỏ còn thấp, ảnh hưởng đến tiến độ giao hàng. Bên cạnh đó, định phí sản xuất cao làm giảm lợi thế cạnh tranh về giá. Ngoài ra, việc Ấn Độ giảm thuế xuất khẩu gạo và Philippines tạm ngưng nhập khẩu cũng làm gia tăng áp lực cạnh tranh đối với Công ty.

Ngành thủy sản

Yếu tố thời tiết và thiên tai ảnh hưởng trực tiếp đến vùng khai thác cá cơm trắng gần bờ, làm giảm sản lượng và tính ổn định của nguồn nguyên liệu. Bên cạnh đó, cơ sở vật chất của Công ty vẫn chưa đáp ứng đầy đủ các yêu cầu sản xuất hiện hành. Ngoài ra, hoạt động kinh doanh cá cơm còn phụ thuộc đáng kể vào thị trường Singapore và các doanh nghiệp xuất khẩu khác trong nước.

Ngành xăng dầu

Năm 2025, mảng kinh doanh xăng dầu của Công ty chịu áp lực khi phải cắt giảm khách hàng tàu đánh bắt xa bờ do hạn chế về vị trí của hàng và mạng lưới phân phối. Tuy nhiên, Công ty đã linh hoạt điều chỉnh chiến lược và nâng cao hiệu quả hoạt động nhằm bù đắp những khó khăn và thích ứng với các biến động bất lợi của thị trường.



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



Những tiến bộ công ty đã đạt được

So với năm 2024, Kigimex tiếp tục củng cố nền tảng hoạt động và nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành; khả năng thích ứng với biến động thị trường, công tác thu mua, tiêu thụ và kiểm soát chi phí đều được cải thiện. Trong ngành lương thực, Công ty đầu tư cân định lượng và máy sortex nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, đồng thời định hướng phát triển các sản phẩm sạch, hữu cơ hướng tới thị trường cao cấp như EU. Đối với ngành xăng dầu, phương thức quản lý được siết chặt nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh. Trong lĩnh vực thủy sản (cá cơm), Công ty tiến hành tái cơ cấu xí nghiệp, tăng cường kiểm soát chất lượng và phát triển thêm sản phẩm mới để đáp ứng nhu cầu thị trường.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	TH 2025/ TH 2024	Tỷ trọng năm 2024	Tỷ trọng năm 2025
Tài sản ngắn hạn	853.900	487.921	57,14%	82,40%	74,19%
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.097	63.000	285,11%	2,13%	9,58%
Các khoản phải thu ngắn hạn	258.633	80.573	31,15%	24,96%	12,25%
Hàng tồn kho	525.106	233.171	44,40%	50,67%	35,46%
Tài sản ngắn hạn khác	48.064	111.177	231,31%	4,64%	16,91%
Tài sản dài hạn	182.431	169.719	93,03%	17,60%	25,81%
Các khoản phải thu dài hạn	75	75	100,00%	0,01%	0,01%
Tài sản cố định	122.264	123.184	100,75%	11,8%	18,73%
Tài sản dở dang dài hạn	2.153	1.356	62,99%	0,21%	0,21%
Tài sản dài hạn khác	57.939	45.104	77,85%	5,59%	6,86%
Tổng tài sản	1.036.331	657.640	63,46%	100,00%	100,00%

Năm 2025, tổng tài sản của Kigimex đạt 657.640 triệu đồng, giảm 36,54% so với năm trước, chủ yếu do Công ty đẩy mạnh thu hồi các khoản phải thu và tăng tiêu thụ, giải phóng lượng hàng tồn kho lớn từ năm 2024, khiến tài sản ngắn hạn giảm còn 487.921 triệu đồng (57,14% so với năm trước). Ngược lại, tiền và các khoản tương đương tiền tăng mạnh 185,11%, đạt 63.000 triệu đồng, chủ yếu là tiền gửi ngân hàng ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kiên Giang. Tài sản dài hạn giảm nhẹ 6,07%, trong đó tài sản dở dang dài hạn giảm 38,01% do Công ty hoàn tất các giao dịch mua sắm và hoán cải tàu cá trong kỳ, cho thấy cơ cấu tài sản chuyển dịch theo hướng thu hẹp tài sản lưu động và tăng tính thanh khoản.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình nợ phải trả

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Tỷ trọng năm 2024	Tỷ trọng năm 2025
A	Nợ phải trả	771.230	383.138	74,42%	58,26%
I	Nợ ngắn hạn	769.379	379.695	74,24%	57,74%
1	Vay ngắn hạn	690.222	180.387	66,6%	27,43%
2	Phải trả người bán	19.218	99.494	1,85%	15,13%
3	Người mua trả tiền trước	6.912	34.081	0,67%	5,18%
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	7.325	2.946	0,71%	0,45%
5	Phải trả người lao động	10.604	18.499	1,02%	2,81%
6	Chi phí phải trả	19.989	25.509	1,93%	3,88%
7	Các khoản phải trả, phải nộp khác	614	114	0,06%	0,02%
8	Dự phòng phải trả ngắn hạn	12.471	16.682	1,2%	2,54%
9	Quỹ khen thưởng phúc lợi	2.023	1.982	0,2%	0,30%
II	Nợ dài hạn	1.850	3.442	0,18%	0,52%
B	Vốn chủ sở hữu	265.102	274.503	25,58%	41,74%
I	Vốn chủ sở hữu	265.101	274.503	25,58%	41,74%
II	Nguồn kinh phí từ quỹ khác	0	0	0,00%	0,00%
Tổng nguồn vốn		1.036.331	657.640	100,00%	100,00%

Năm 2025, tổng nợ phải trả của Kigimex giảm 50,32% xuống còn 383.138 triệu đồng, làm tỷ trọng nợ trong tổng nguồn vốn giảm từ 74,42% xuống 58,26%. Nguyên nhân chủ yếu do Công ty giảm mạnh vay ngắn hạn, từ 690.222 triệu đồng xuống 180.387 triệu đồng, cho thấy xu hướng giảm đòn bẩy tài chính và phụ thuộc vào vốn vay ngân hàng. Trong khi đó, một số khoản như phải trả người bán và người mua trả tiền trước tăng, phản ánh việc tận dụng tín dụng thương mại. Đồng thời, vốn chủ sở hữu tăng 3,55%, nâng tỷ trọng lên 41,74%, cho thấy cơ cấu nguồn vốn chuyển dịch theo hướng an toàn hơn.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Năm 2025, trước biến động của thị trường lúa gạo và áp lực chi phí đầu vào, KGM chủ động triển khai các giải pháp cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách điều hành và công tác quản lý nhằm nâng cao năng lực quản trị và hiệu quả hoạt động. Với sự chỉ đạo và hỗ trợ kịp thời từ Đảng ủy và Hội đồng quản trị Tổng Công ty, Công ty tăng cường phối hợp giữa các cấp quản lý, phát huy sức mạnh tập thể trong việc rà soát, đánh giá hoạt động và triển khai các giải pháp điều hành phù hợp với tình hình thực tế.

VỀ CÔNG TÁC ĐẢNG

Đảng ủy Công ty tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị trong việc chỉ đạo Ban Điều hành triển khai các nhiệm vụ xây dựng Đảng gắn với hoạt động sản xuất – kinh doanh. Các chủ trương, nghị quyết được quán triệt và thực hiện kịp thời, góp phần bảo đảm sự thống nhất trong lãnh đạo và hỗ trợ Công ty hoàn thành các mục tiêu năm 2025.

VỀ CÔNG TÁC TỔ CHỨC, NHÂN SỰ

Năm 2025, KGM tiếp tục áp dụng mô hình quản trị tập trung nhằm tăng cường kiểm soát hoạt động, quản lý dòng tiền và tối ưu nguồn lực. Đồng thời, Công ty đẩy mạnh chuyển đổi số thông qua ứng dụng phần mềm quản lý nhân sự và rà soát, tinh gọn cơ cấu tổ chức, góp phần nâng cao hiệu quả vận hành và tạo nền tảng cho phát triển bền vững.

VỀ CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2025, Công ty bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh và chủ động điều chỉnh linh hoạt theo diễn biến thị trường nhằm hoàn thành các chỉ tiêu đề ra. Công tác dự báo giá cả, cung – cầu và nhu cầu khách hàng được thực hiện thường xuyên, hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động thu mua, tiêu thụ và tối ưu biên lợi nhuận, qua đó giúp sản lượng và kim ngạch xuất khẩu cơ bản đạt mục tiêu. Đồng thời, Công ty duy trì hệ thống khách hàng truyền thống, mở rộng thêm đối tác mới và từng bước thâm nhập các thị trường tiềm năng; quan hệ với nhà cung ứng được củng cố, hoạt động thu mua tổ chức linh hoạt theo vùng nguyên liệu, trong khi sản xuất – chế biến và mua bán được kiểm soát chặt chẽ nhằm đảm bảo chất lượng hàng hóa và hạn chế rủi ro.

VỀ CÔNG TÁC TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

Trong năm 2025, KGM tiếp tục chú trọng công tác quản lý tài chính, thường xuyên thực hiện cân đối và bảo đảm đủ nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất – kinh doanh và đầu tư. Công tác kế toán được thực hiện đúng quy định, các báo cáo tài chính được lập đầy đủ, kịp thời và tuân thủ các chuẩn mực, đáp ứng yêu cầu quản lý và công bố thông tin của Công ty.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

VỀ CÔNG TÁC ĐẦU TƯ, XÂY DỰNG CƠ BẢN

Trong năm 2025, Công ty tiếp tục rà soát và đánh giá hiện trạng tài sản nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, đồng thời nghiên cứu các phương án hợp tác khai thác để tạo thêm nguồn thu. Công ty cũng sắp xếp, điều chỉnh dây chuyền và quy trình vận hành theo hướng tinh gọn nhằm nâng cao hiệu suất và kiểm soát chi phí. Bên cạnh đó, các hạng mục đầu tư, sửa chữa và nâng cấp máy móc, thiết bị được triển khai theo kế hoạch, góp phần đảm bảo năng lực vận hành ổn định và an toàn.

VỀ CÔNG TÁC TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN

Tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên năm 2025. Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và giao Ban Điều hành tổ chức thực hiện các nội dung của Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua với kết quả đạt và vượt các chỉ tiêu được quyết nghị.

VỀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ, CHUYỂN ĐỔI SỐ

Kigimex đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong quản lý và điều hành thông qua việc xây dựng bộ nhận diện thương hiệu, phát triển website, triển khai văn phòng điện tử và các phần mềm quản lý sản xuất – kinh doanh. Đồng thời, Công ty trang bị hệ thống hội nghị trực tuyến với Tổng Công ty và các đơn vị trực thuộc nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và trao đổi thông tin.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Trên cơ sở kết quả thực hiện 2025 và dự báo thị trường, Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026, cụ thể như sau:

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch Năm 2026
I Mua vào			
1	Lúa, gạo quy gạo	Tấn	285.000
2	Cá cơm tươi (quy tươi)	Tấn	900
3	Xăng dầu	Nghìn lít	18.000
II Bán ra			
1	Lúa, gạo quy gạo	Tấn	285.000
-	Xuất khẩu	Tấn	255.000
-	Nội địa	Tấn	30.000
2	Cá cơm (thành phẩm)	Tấn	225
3	Xăng dầu	Nghìn lít	18.000
III Kim ngạch			
1	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	114,533
2	Kim ngạch nhập khẩu	Triệu USD	-
IV	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	3.680,061
V	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	17,00
VI	Nộp NSNN	Tỷ đồng	3,40

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Định hướng phát triển thị trường, khách hàng

Kế hoạch xuất khẩu năm 2026 được xây dựng trên cơ sở cân đối nhu cầu nhập khẩu trong năm 2026 của các thị trường. Công ty tập trung vào thị trường thương mại tiêu thụ gạo thơm, gạo đặc sản, duy trì giao dịch các khách hàng truyền thống song song với khai thác khách hàng mới như sau:

ĐVT: Tấn

STT	Thị trường, khách hàng	Kế hoạch sản lượng	Dự kiến chủng loại hàng xuất khẩu				Tổng giá trị XK (tr. USD)	Quy tiền VNĐ (triệu đồng)
			Gạo trắng TP	Gạo thơm+ đặc sản	Tấm	Cá cơm TP		
I	Gạo quy gạo	255.000	10.000	235.000	20.000		113.863	2.983.211
1	Châu Á	18.000	9.000	9.000	-		7.215	189.033
2	Châu Phi	217.000		197.000	20.000		97.665	2558.561
3	Thị trường khác	20.000	1.000	19.000	-		8.993	235.617
II	Cá cơm	135	-	-	-	135	670	17.550
TỔNG CỘNG XK		255.135	10.000	235.000	20.000	135	114.533	3.000.761

Nguồn lực tài chính

Nguồn vốn phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu phụ thuộc vào vốn vay ngân hàng. Do đó, ngay từ đầu năm, Công ty đã chủ động trình Tổng Công ty phê duyệt hạn mức huy động vốn và làm việc với các ngân hàng để đảm bảo đủ nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Tổng doanh số mua vào, bao gồm chi phí sản xuất kinh doanh, đạt 3.893 tỷ đồng; chi phí đầu tư máy móc thiết bị và nhà xưởng là 9,830 tỷ đồng. Với nhu cầu vốn khoảng 1.612 tỷ đồng, ngoài nguồn vốn tự có, Công ty dự kiến vay ngân hàng khoảng 1.526 tỷ đồng để đáp ứng nhu cầu hoạt động.

Kế hoạch đầu tư 2026

- Dự kiến trong năm 2026, Công ty triển khai đầu tư các dự án. Trong đó cụ thể như sau:
- Định hướng đầu tư có trọng điểm, ưu tiên nâng cấp máy móc, thiết bị và cải tiến dây chuyền chế biến để đáp ứng nhu cầu thị trường gạo cao cấp.
 - Tổng mức đầu tư dự kiến 9,83 tỷ đồng, tập trung vào các hạng mục: máy tách màu, cân đóng bao tự động, băng tải nhập – xuất tại các xí nghiệp lương thực nhằm nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.Kế hoạch sửa chữa dự toán là 5,55 tỷ đồng, tập trung cho hệ thống chế biến gạo từ nguyên liệu xô lút và lúa để giảm giá thành sản phẩm và hợp lý hóa hệ thống máy móc thiết bị để nâng sức chứa kho.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Ý kiến của Kiểm toán đối với báo cáo tài chính của Kigimex là ý kiến chấp nhận toàn phần. Do đó, Ban Tổng Giám đốc không giải trình gì thêm.



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Năm 2025, Kigimex sử dụng ba nguồn năng lượng chính gồm điện, xăng dầu và nước phục vụ hoạt động sản xuất, chế biến và lưu thông hàng hóa. Công ty chú trọng quản lý tiêu thụ năng lượng theo hướng tiết kiệm, hiệu quả, đồng thời phối hợp với các đơn vị cung cấp để đảm bảo nguồn cung ổn định và tối ưu chi phí; công tác tuyên truyền nâng cao ý thức tiết kiệm năng lượng cũng được triển khai thường xuyên trong toàn thể cán bộ, công nhân viên. Bên cạnh đó, Công ty tuân thủ nghiêm các quy định về bảo vệ môi trường và không ghi nhận vi phạm trong năm; đồng thời khuyến khích áp dụng các biện pháp canh tác hợp lý, sử dụng phân bón tiết kiệm, hạn chế phát thải, bảo vệ nguồn nước và nâng cao nhận thức nội bộ về phân loại, xử lý chất thải, qua đó thể hiện cam kết phát triển bền vững.

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Trong năm 2025, quỹ tiền lương của công ty đạt 42,190 tỷ đồng, với mức lương bình quân 12,282 triệu đồng/người/tháng. Kigimex luôn chú trọng xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, minh bạch và đề cao hiệu quả, tạo điều kiện để người lao động phát huy năng lực và gắn bó lâu dài với Công ty. Bên cạnh việc duy trì các chính sách tiền lương, thưởng và phúc lợi theo đúng quy định pháp luật, Công ty tăng cường rà soát, hoàn thiện cơ chế đánh giá hiệu suất nhằm đảm bảo thu nhập tương xứng với kết quả công việc. Công ty cũng từng bước đẩy mạnh đào tạo kỹ năng chuyên môn, kỹ năng quản trị và ứng dụng công nghệ trong hoạt động kinh doanh, đồng thời bổ sung nhân sự tại các bộ phận trọng yếu nhằm đáp ứng yêu cầu mở rộng thị trường. Các chế độ bảo hiểm, chăm sóc sức khỏe và hoạt động phúc lợi tập thể tiếp tục được duy trì ổn định, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và củng cố sự gắn kết nội bộ trong toàn hệ thống.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Trong năm 2025, Kigimex tiếp tục xác định trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương là một nội dung quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững. Công ty duy trì và đẩy mạnh các hoạt động an sinh xã hội, phối hợp với chính quyền và các tổ chức, đoàn thể tại địa phương triển khai các chương trình hỗ trợ người có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách và các hoạt động vì cộng đồng. Bên cạnh hỗ trợ về tài chính, Công ty còn khuyến khích sự tham gia của cán bộ, công nhân viên trong các chương trình thiện nguyện, góp phần lan tỏa tinh thần trách nhiệm xã hội. Những hoạt động này không chỉ thể hiện cam kết gắn bó lâu dài với địa phương nơi doanh nghiệp hoạt động mà còn góp phần nâng cao hình ảnh, uy tín và xây dựng mối quan hệ hài hòa giữa doanh nghiệp và cộng đồng.





CHƯƠNG 4

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY, TRONG ĐÓ CÓ ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Trong năm qua, tình hình chính trị, kinh tế toàn cầu và biến đổi khí hậu đã tạo ra nhiều thách thức, đặc biệt trong công tác thu mua nguyên liệu, làm gia tăng chi phí đầu vào và ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc cùng sự nỗ lực của toàn thể cán bộ nhân viên, Công ty vẫn cơ bản hoàn thành các mục tiêu đã đề ra, đồng thời duy trì hiệu quả quản trị, củng cố mối quan hệ với khách hàng hiện hữu và từng bước mở rộng hợp tác với các đối tác tiềm năng.

Bên cạnh hoạt động sản xuất – kinh doanh, Kigimex chú trọng thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường và đóng góp cho cộng đồng. Công ty tuân thủ nghiêm các quy định về bảo vệ môi trường, đặc biệt trong kiểm soát chất thải và bảo vệ nguồn nước, đồng thời tích cực tham gia các hoạt động xã hội, góp phần tạo ra giá trị bền vững cho cộng đồng.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Hội đồng quản trị giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 thông qua hệ thống báo cáo định kỳ và đột xuất. Ban Tổng giám đốc tuân thủ đầy đủ Điều lệ, quy chế nội bộ về quản trị công ty, cũng như các Nghị quyết và Quyết định của HĐQT.

HĐQT thực hiện nhiệm vụ giám sát với nguyên tắc trung thực, cẩn trọng và khách quan, đặc biệt trong quá trình phê duyệt các nội dung thuộc thẩm quyền. Ban Tổng giám đốc thể hiện sự chủ động, nhạy bén, linh hoạt điều chỉnh phương pháp quản trị doanh nghiệp nhằm giảm thiểu rủi ro trước biến động thị trường trong và ngoài nước.

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã thực hiện giám sát Ban Tổng giám đốc thực hiện các công việc sau:

- Giám sát thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.
- Chỉ đạo Ban điều hành tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 phù hợp với tình hình thực tế của Công ty.
- Giám sát việc quản lý, sử dụng vốn đúng mục đích, bảo toàn và phát triển được vốn chủ sở hữu và đảm bảo hệ số Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu ở ngưỡng an toàn và hiệu quả.
- Công tác kinh doanh xuất nhập khẩu.
- Công tác đầu tư, mua sắm của công ty.
- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 vào ngày 15/5/2025 theo đúng quy định.

- Kết quả giám sát

Ban Tổng Giám đốc đã nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Công ty. Đồng thời, Ban Tổng Giám đốc chủ động quản lý và kiểm soát việc sử dụng vốn trong quá trình sản xuất – kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, triển khai thực hiện các định hướng và kế hoạch theo chỉ đạo của Hội đồng quản trị và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, qua đó góp phần hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đã đề ra.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Về công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh

Trong năm 2025, Kigimex tập trung quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng chặt chẽ và linh hoạt, kiểm soát tốt nguồn nguyên liệu, quy trình chế biến và chất lượng sản phẩm. Công ty chủ động bám sát diễn biến thị trường, duy trì khách hàng truyền thống, mở rộng thị trường tiêu thụ và kiểm soát chi phí, qua đó góp phần ổn định hoạt động và thực hiện các mục tiêu sản xuất kinh doanh đã đề ra.

Về công tác quản lý sản xuất chế biến, kinh doanh

Trong năm, công tác quản lý sản xuất chế biến và kinh doanh của Kigimex được triển khai theo từng ngành nghề trọng tâm như sau:

Đối với ngành lương thực (lúa gạo), Công ty tập trung quản lý chặt chẽ khâu thu mua nguyên liệu, tổ chức sản xuất chế biến phù hợp với nhu cầu thị trường, đảm bảo chất lượng gạo thơm, gạo đặc sản phục vụ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu, đồng thời kiểm soát chi phí nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Đối với ngành thủy sản, hoạt động chế biến và kinh doanh được điều hành theo hướng ổn định sản lượng, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng và an toàn thực phẩm, chủ động cân đối nguồn nguyên liệu và thị trường tiêu thụ để hạn chế rủi ro và duy trì hiệu quả hoạt động.

Đối với hoạt động kinh doanh xăng dầu, Công ty chú trọng quản lý tốt hệ thống kho bãi và phân phối, điều hành linh hoạt theo biến động thị trường, đảm bảo nguồn cung ổn định và tuân thủ đầy đủ các quy định về an toàn, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ môi trường.

Về công tác huy động vốn, quản lý tài chính kế toán

Công ty triển khai kế hoạch tài chính gắn với việc mở rộng quan hệ tín dụng nhằm đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư. Kigimex chủ động theo dõi tỷ giá, lãi suất để lựa chọn phương án vay vốn hiệu quả, cân đối dòng tiền và thực hiện trả nợ đúng quy định. Đồng thời, Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán và quy định pháp luật về thuế, cập nhật kịp thời các chính sách thuế mới, tăng cường kiểm soát việc sử dụng vốn, tài sản và quản lý chi phí nhằm bảo toàn nguồn vốn và hạn chế rủi ro tài chính.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Về công tác tổ chức, nhân sự

Về công tác tổ chức và nhân sự, trong năm 2025 Kigimex tập trung kiện toàn bộ máy quản lý theo hướng tinh gọn, hiệu quả, phân công nhiệm vụ rõ ràng giữa các phòng ban và đơn vị trực thuộc. Công ty chú trọng quản lý, sử dụng lao động phù hợp với nhu cầu sản xuất kinh doanh, đồng thời quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, người lao động. Các chính sách tiền lương, phúc lợi và an toàn lao động tiếp tục được thực hiện theo quy định, góp phần ổn định nhân sự và nâng cao hiệu quả hoạt động chung của Công ty.

Về công tác đầu tư Xây dựng cơ bản

Về công tác đầu tư xây dựng cơ bản, trong năm 2025 Kigimex tập trung triển khai các hạng mục đầu tư theo kế hoạch đã được phê duyệt, ưu tiên các dự án phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất chế biến, kho bãi và hạ tầng kỹ thuật. Công ty thực hiện quản lý chặt chẽ tiến độ, chất lượng và chi phí đầu tư, đảm bảo tuân thủ các quy định về đầu tư xây dựng, góp phần nâng cao năng lực sản xuất và hiệu quả sử dụng tài sản trong dài hạn.

Về công tác đầu thu hồi công nợ

Quyết liệt đề ra giải pháp để thu hồi nợ nhằm lành mạnh tài chính, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của Công ty.

Về công tác chuyển đổi số

Trong năm 2025 Kigimex từng bước đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý, điều hành và các nghiệp vụ chuyên môn. Công ty tập trung số hóa dữ liệu, triển khai thực hiện chủ trương chuyển đổi số của Tổng Công ty một cách đồng bộ, đồng thời ứng dụng các phần mềm quản lý vào toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh, từ khâu sản xuất, bán hàng nội địa đến xuất khẩu. Việc tăng cường ứng dụng công nghệ đã góp phần nâng cao hiệu quả quản trị, minh bạch hóa thông tin và cải thiện chất lượng điều hành doanh nghiệp.





CHƯƠNG 5

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát


Các giao dịch, thù lao và các khoản
lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban
Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành phần và cơ cấu HĐQT

Tính tại ngày 31/12/2025

STT	Thành viên	Chức vụ	Cá nhân sở hữu		Đại diện sở hữu	
			Số lượng CP	Tỷ lệ CP	Số lượng CP	Tỷ lệ CP
1	Ông Bạch Ngọc Văn	Chủ tịch HĐQT	268.000	1,05%	7.628.664	30,99%
2	Ông Mai Thành Công	Phó Chủ tịch HĐQT	5.000	0,02%	5.085.776	20,00%
3	Bà Dương Thị Thanh Nguyệt	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	101.500	0,40%	5.927.472	23,31%
4	Ông Phạm Minh Trung	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	0	0,00%	2.542.888	10,00%
5	Bà Trần Tú Khanh	Thành viên HĐQT	8.600	0,03%	0	0%



ÔNG BẠCH NGỌC VĂN

Chủ tịch HĐQT

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do công ty phát hành:

Đại diện sở hữu: 7.628.664 cổ phần, chiếm 30% vốn điều lệ

Cá nhân sở hữu: 268.000 cổ phần, chiếm 1,05% vốn điều lệ

Chức danh thành viên HĐQT tại các công ty khác: Không có

Chức danh quản lý của công ty nắm giữ tại các công ty khác: Phó TGD Tổng Công ty Lương thực Miền Nam – Công ty Cổ phần



ÔNG MAI THÀNH CÔNG

Phó Chủ tịch HĐQT

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do công ty phát hành:

Đại diện sở hữu: 5.085.776 cổ phần, chiếm 20% vốn điều lệ

Cá nhân sở hữu: 5.000 cổ phần, chiếm 0,02% vốn điều lệ

Chức danh thành viên HĐQT tại các công ty khác: Không có

Chức danh quản lý của công ty nắm giữ tại các công ty khác: Không có



BÀ DƯƠNG THỊ THANH NGUYỆT

(xem lý lịch ban điều hành)



ÔNG PHẠM MINH TRUNG

(xem lý lịch ban điều hành)



BÀ TRẦN TÚ KHANH

Thành viên HĐQT

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết do công ty phát hành:

Đại diện sở hữu: 0 cổ phần

Cá nhân sở hữu: 8.600 cổ phần, chiếm 0,03% vốn điều lệ

Chức danh thành viên HĐQT tại các công ty khác: Không có

Chức danh quản lý của công ty nắm giữ tại các công ty khác: Phó TGD Tổng Công ty Lương thực Miền Nam – CTCP

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các tiểu ban thuộc HĐQT: Không có

Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị thực hiện giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc thông qua các cuộc họp định kỳ, họp giao ban, sơ kết, tổng kết và thông qua chế độ báo cáo thường xuyên, đột xuất về tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, quản lý tài chính, quản lý vốn và tài sản, đầu tư phát triển, tổ chức lao động và các nội dung quản trị doanh nghiệp khác. Hoạt động chỉ đạo, kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị được thực hiện đúng thẩm quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ; không gây chồng chéo hoặc cản trở hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc. Thông qua công tác giám sát, Hội đồng quản trị kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty, từ đó có ý kiến chỉ đạo phù hợp, góp phần hạn chế rủi ro và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đã thực hiện giám sát Ban Tổng giám đốc thực hiện các công việc sau:

- Giám sát thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường và các Nghị quyết của Hội đồng

quản trị.

- Tập trung chỉ đạo ban điều hành tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát năng cao hiệu quả chỉ đạo của ban điều hành trong hoạt động SXKD của công ty.
- Tiếp tục chỉ đạo công tác kinh doanh xuất nhập khẩu.
- Giám sát việc thực hiện công bố thông tin định kỳ, bất thường và theo yêu cầu theo đúng quy định.
- Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều lệ, các quy định pháp luật và quy chế quản lý nội bộ. Đồng thời, Ban Tổng Giám đốc luôn bám sát kế hoạch sản xuất – kinh doanh, đầu tư và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị để tổ chức triển khai thực hiện, chủ động đề ra các giải pháp điều hành phù hợp với tình hình thực tế, diễn biến thị trường và năng lực của Công ty.



Số lượng cuộc họp HĐQT

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Bạch Ngọc Văn	Chủ tịch HĐQT	30	100,00%	
2	Bà Dương Thị Thanh Nguyệt	PCT TT HĐQT (Thành viên HĐQT điều hành)	30	100,00%	
3	Ông Mai Thành Công	Phó Chủ tịch HĐQT (Thành viên HĐQT Không điều hành)	29	96,7%	Bận đi công tác, có ủy quyền để biểu quyết tại cuộc họp
4	Ông Phạm Minh Trung	Thành viên HĐQT (Thành viên HĐQT điều hành)	30	100,00%	
5	Bà Trần Tú Khanh	Thành viên HĐQT (Thành viên HĐQT Không điều hành)	29	96,7%	Bận đi công tác, có ủy quyền để biểu quyết tại cuộc họp

Nội dung và kết quả các cuộc họp

Trong năm 2025, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức 30 cuộc họp (bao gồm họp trực tiếp và lấy ý kiến văn bản). Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	06/NQ- XNK-HĐQT	21/02/2025	Nghị quyết V/v thông qua Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang
2	16/NQ-XNK-HĐQT	05/03/2025	Nghị quyết V/v xin phê duyệt hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Phát Triển TP. HCM (HDBank)
3	21/NQ-XNK-HĐQT	20/03/2025	Nghị quyết V/v xin chủ trương triển khai hạng mục Di dời, cải tạo phòng Kỹ thuật Đầu tư và phòng Tổ Quản lý hàng hóa tại trụ sở Văn phòng Công ty
4	23/NQ-XNK-HĐQT	20/03/2025	Nghị quyết V/v xin phê duyệt hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Quốc

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nội dung và kết quả các cuộc họp:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
5	25/NQ-XNK-HĐQT	20/03/2025	Nghị quyết V/v xin phê duyệt hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh HCM
6	31/NQ-XNK-HĐQT	05/04/2025	Nghị quyết V/v xin chủ trương triển khai hạng mục cải tạo khuôn viên via hè tại trụ sở văn phòng Công ty
7	33/NQ-XNK-HĐQT	05/04/2025	Nghị quyết V/v xin phê duyệt hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh Kiên Giang
8	35/NQ-XNK-HĐQT	5/04/2025	Nghị quyết V/v xin phê duyệt hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Quốc tế – Chi nhánh Cần Thơ
9	38/NQ-XNK-HĐQT	05/04/2025	Nghị quyết V/v xin phê duyệt cơ chế, chính sách cho người giao dịch bán hàng xuất khẩu
10	39/NQ-XNK-HĐQT	05/04/2025	Nghị quyết V/v xin gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
11	60/NQ-XNK-HĐQT	15/05/2025	Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2025 Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang
12	79/NQ-XNK-HĐQT	16/05/2025	Nghị quyết V/v phê duyệt các hạng mục đầu tư được vay vốn trung hạn tại ngân hàng
13	70/NQ-XNK-HĐQT	16/05/2025	Nghị quyết V/v chủ trương sửa chữa Sà lan chở xăng, dầu (KG36896) tại Xí nghiệp KDXD An Bình
14	68/NQ-XNK-HĐQT	23/05/2025	Nghị quyết V/v chỉ trả cổ tức năm 2024 bằng tiền của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang
15	74/NQ-XNK-HĐQT	02/06/2025	Nghị quyết V/v xin phê duyệt hạn mức vay vốn tăng thêm tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Kiên Giang Nghị quyết V/v xin phê duyệt hạn mức vay vốn tăng thêm tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Kiên Giang
16	75/NQ-XNK-HĐQT	02/06/2025	Nghị quyết V/v xin phê duyệt hạn mức tín dụng thế chấp tài sản tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn
17	85/NQ-XNK-HĐQT	05/06/2025	Nghị quyết V/v phê duyệt một số hạng mục sửa chữa tại các Xí nghiệp lương thực trực thuộc Công ty

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
18	82/NQ-XNK-HĐQT	10/06/2025	Nghị quyết V/v phê duyệt chủ trương triển khai hạng mục sửa chữa, cải tạo nhà lưu trữ hồ sơ (nhà để xe) tại trụ sở Văn phòng Công ty
19	76/NQ-XNK-HĐQT	16/06/2025	Nghị quyết V/v chọn đơn vị kiểm toán năm 2025
20	96/NQ-XNK-HĐQT	16/06/2025	Nghị quyết V/v thông qua mức lương, quỹ lương kế hoạch năm 2025 của thành viên Ban Điều hành
21	120/NQ-XNK-HĐQT	20/08/2025	Nghị quyết V/v phê duyệt các hạng mục đầu tư tại các Xí nghiệp phụ thuộc của Công ty
22	122/NQ-XNK-HĐQT	20/08/2025	Nghị quyết V/v phê duyệt các hạng mục sửa chữa tại các Xí nghiệp phụ thuộc của Công ty
23	134/NQ-XNK-HĐQT	17/10/2025	Nghị quyết V/v phê duyệt một số hạng mục sửa chữa tại các Xí nghiệp phụ thuộc Công ty
24	135/NQ-XNK-HĐQT	17/10/2025	Nghị quy t V/v phê duyệt chủ trương sắp xếp, điều động, bổ nhiệm nhân sự giữa các phòng ban và đơn vị phụ thuộc Công ty
25	143/NQ-XNK-HĐQT	15/11/2025	Nghị quyết V/v phê duyệt chủ trương sáp nhập các phòng ban của Công ty
26	145/NQ-XNK-HĐQT	15/11/2025	Nghị quyết V/v phê duyệt các hạng mục đầu tư tại các Xí nghiệp phụ thuộc của Công ty
27	158/NQ-XNK-HĐQT	29/11/2025	Nghị quyết V/v xin phê duyệt chủ trương đầu tư Server để lưu trữ dữ liệu và sử dụng phần mềm kế toán Simsoft 8.1
28	160/NQ-XNK-HĐQT	22/12/2025	Nghị quyết V/v huy động vốn và thế chấp tài sản cố định năm 2026.

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Công ty không có Hội đồng quản trị độc lập.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

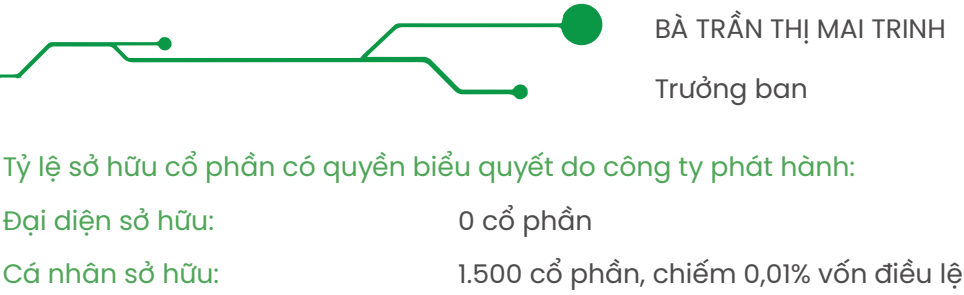
Hiện nay, toàn bộ các thành viên trong Hội đồng quản trị của Kigimex đều có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản trị doanh nghiệp. Bên cạnh đó, Công ty cũng luôn tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý khác tham gia các khóa huấn luyện, đào tạo, các buổi hội thảo, đối thoại do các Sở, Ngành, VSDC và các đơn vị chuyên môn tổ chức. Ngoài ra, các thành viên HĐQT thường xuyên cập nhật các quy định hiện hành để làm cơ sở chỉ đạo, lãnh đạo hoạt động Công ty.

Trong đó, ông Trần Công Lý – Thành viên Ban Kiểm soát – đã hoàn thành khóa học và được cấp chứng chỉ về Quản trị Công ty từ Viện Phát triển Nguồn nhân lực và Kinh doanh Huredin. Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, ông đã chia sẻ và phổ biến các nội dung, kiến thức liên quan đến quản trị công ty cho các cán bộ quản lý của Kigimex, góp phần nâng cao nhận thức và năng lực quản trị doanh nghiệp trong toàn Công ty.

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Cá nhân sở hữu		Đại diện sở hữu	
			Số lượng CP	Tỷ lệ CP	Số lượng CP	Tỷ lệ CP
1	Bà Trần Thị Mai Trinh	Trưởng ban	1.500	0,01%	-	-
2	Bà Trần Thị Phương Lan	Thành viên	0	0,00%	-	-
3	Ông Trần Công Lý	Thành viên	0	0,00%	-	-



Hoạt động của Ban kiểm soát

- Ban Kiểm soát đã tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên và các cuộc họp của Hội đồng quản trị; thực hiện chức năng giám sát theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Trong năm 2025, Ban Kiểm soát đã:
- Thực hiện giám sát định kỳ đối với hoạt động của Ban điều hành;
 - Thẩm định báo cáo tài chính năm 2024 và báo cáo tài chính bán niên năm 2025;
 - Đề xuất Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 theo đúng trình tự, thủ tục quy định;
 - Giám sát việc thực hiện công bố thông tin của Công ty theo quy định pháp luật.
 - Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác;
 - Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ, rõ ràng các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành có liên quan đến hoạt động SXKD, công tác quản trị và một số nội dung khác có liên quan phục vụ cho việc kiểm soát của Ban kiểm soát.
 - Ban kiểm soát phối hợp chặt chẽ với HĐQT trong các phiên họp HĐQT đều có tham gia ý kiến đóng góp, báo cáo về công tác kiểm soát.
 - Ban kiểm soát phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành, ban chuyên quản nội bộ công ty trong việc kiểm tra, kiểm soát định kỳ. Ban điều hành tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát hoạt động thông qua việc cung cấp thông tin, hồ sơ, chứng từ.

Số lượng các cuộc họp Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Bà Trần Thị Mai Trinh	Trưởng BKS	2/2	100%
2	Bà Trần Thị Phương Lan	Thành viên BKS	2/2	100%
3	Ông Trần Công Lý	Thành viên BKS	2/2	100%

Ban Kiểm soát đã tổ chức 02 phiên họp. Nội dung cụ thể các phiên họp được ban hành tương ứng như sau:

STT	Ngày	Nội dung
1	16/4/2025	Phân công nhiệm vụ từng thành viên BKS Triển khai hoạt động của BKS năm 2025
2	30/12/2025	Thông qua kế hoạch kiểm tra định kỳ năm 2026 và phân công nhiệm vụ năm 2026

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

ĐVT: VND

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tổng thu nhập
I Hội đồng quản trị			
1	Ông Bạch Ngọc Văn	Chủ tịch HĐQT	144.000.000
2	Bà Dương Thị Thanh Nguyệt	Phó Chủ tịch HĐQT thường trực	120.000.000
3	Ông Mai Thành Công	Phó Chủ tịch HĐQT	120.000.000
4	Ông Phạm Minh Trung	Thành viên HĐQT, kiêm Phó TGD	120.000.000
5	Bà Trần Tú Khanh	Thành viên HĐQT (Từ ngày 15/4/2024)	120.000.000
II Thành viên Ban kiểm soát			
1	Bà Trần Thị Mai Trinh	Trưởng Ban Kiểm soát	-
2	Bà Trần Thị Phương Lan	Thành viên Ban Kiểm soát	113.154.400
3	Ông Trần Công Lý	Thành viên Ban Kiểm soát (Từ ngày 15/4/2024)	90.000.000
III Thu nhập từ việc quản lý chuyên trách của các Thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách, Ban Tổng Giám đốc			
1	Ông Bạch Ngọc Văn	Chủ tịch HĐQT	174.672.800
2	Ông Mai Thành Công	Phó Chủ tịch HĐQT	118.282.700
3	Bà Trần Thị Mai Trinh	Trưởng Ban Kiểm soát	528.889.100
4	Bà Dương Thị Thanh Nguyệt	Phó Chủ tịch HĐQT thường trực kiêm Tổng Giám đốc	815.241.000
5	Ông Phạm Minh Trung	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	534.677.700
6	Nguyễn Mai Thái Sơn	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 05/7/2024)	470.637.000

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

Không có

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ. Thông tin chi tiết giao dịch trong năm như sau:

Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Giá trị giao dịch
Tổng công ty Lương thực Miền Nam – Công ty cổ phần	Công ty mẹ	Mua hàng hóa	197.043.343.945
Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	Cùng Công ty mẹ	Mua tài sản cố định	8.134.830.000
		Mua công cụ dụng cụ	215.750.000
		Chi phí sửa chữa tài sản	2.989.170.000
Tổng công ty Lương thực Miền Nam – Công ty cổ phần	Công ty mẹ	Phí giao nhận, ủy thác, phí làm hàng	87.734.996
Công ty Lương thực Tiền Giang	Chi nhánh của Công ty mẹ	Dịch vụ khác	41.666.664
Tổng công ty Lương thực Miền Nam – Công ty cổ phần	Công ty mẹ	Bán hàng ủy thác	10.141.266.860
		Bán hàng hóa	84.264.960.264

Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: Không có.

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Trong năm 2025, với tư cách là doanh nghiệp đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX), Kigimex tiếp tục tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Công ty thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo Thông tư 96/2020/TT-BTC và từng bước triển khai công bố thông tin song ngữ theo Thông tư 68/2024/TT-BTC. Đồng thời, Kigimex tham gia các chương trình đào tạo về quản trị công ty và duy trì cơ chế họp định kỳ giữa Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm soát và Ban Điều hành nhằm nâng cao hiệu quả quản trị và hướng tới phát triển bền vững.



CHƯƠNG 6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến của kiểm toán

Báo cáo tài chính được kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG
Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 44



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG
Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang (sau đây gọi là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở chuyển từ Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Kiên Giang thuộc Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Lương thực Miền Nam (nay là Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần) thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 11/QĐ-HĐTV ngày 16/01/2015 của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty Lương thực Miền Nam về việc tiến hành cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Kiên Giang. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 1700100989 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang (nay đã sáp nhập và trở thành Sở Tài chính tỉnh An Giang) cấp lần đầu ngày 07/11/2005, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi các lần và lần thứ 22 ngày 06/01/2026.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: KIEN GIANG IMPORT & EXPORT JOINT STOCK COMPANY.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700100989 thay đổi lần thứ 22 ngày 06/01/2026 là 254.300.000.000 VND (Bằng chữ: Hai trăm năm mươi bốn tỷ, ba trăm triệu đồng chẵn).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được giao dịch trên hệ thống giao dịch UpCOM. Mã cổ phiếu: KGM.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong suốt năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Bạch Ngọc Văn	Chủ tịch
Bà Dương Thị Thanh Nguyệt	Phó Chủ tịch thường trực
Ông Mai Thành Công	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Minh Trung	Thành viên
Bà Trần Tú Khanh	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Bà Trần Thị Mai Trinh	Trưởng ban
Ông Trần Công Lý	Thành viên
Bà Trần Thị Phương Lan	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Bà Dương Thị Thanh Nguyệt	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Minh Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mai Thái Sơn	Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG
Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Bà Dương Thị Thanh Nguyệt
Tổng Giám đốc
An Giang, ngày 12 tháng 01 năm 2026



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Trụ sở chính TP. Hà Nội:

Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building,

Số 235 Nguyễn Trãi, P. Khương Đình, TP. Hà Nội.

+84 (24) 3 783 2121

info@cpavietnam.vn

+84 (24) 3 783 2122

www.cpavietnam.vn



Số: 71/2026/BCKT-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang, được lập ngày 12/01/2026, từ trang 06 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang tại ngày 31/12/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Thị Mai Hoa
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2026/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2026 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2026

Lê Thanh Tùng Lâm
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5475-2026-137-1



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG
Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, phường Rạch Giá
tỉnh An Giang

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		487.920.895.644	853.900.016.529
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	63.000.304.273	22.096.855.325
1. Tiền	111		33.000.304.273	22.096.855.325
2. Các khoản tương đương tiền	112		30.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		80.572.523.330	258.633.275.627
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	77.306.306.134	258.082.778.045
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	3.445.289.197	704.341.990
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	262.774.683	288.002.276
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(441.846.684)	(441.846.684)
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	233.170.838.952	525.106.170.194
1. Hàng tồn kho	141		249.364.263.496	534.818.676.296
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(16.193.424.544)	(9.712.506.102)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		111.177.229.089	48.063.715.383
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	903.561.845	1.756.461.002
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		110.273.547.244	46.307.134.381
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.13	120.000	120.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		169.719.261.019	182.431.144.099
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		75.000.000	75.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.4	75.000.000	75.000.000
II. Tài sản cố định	220		123.184.082.275	122.264.005.102
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	123.065.015.608	122.264.005.102
- Nguyên giá	222		480.341.015.482	464.335.338.912
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(357.275.999.874)	(342.071.333.810)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	119.066.667	-
- Nguyên giá	228		120.000.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(933.333)	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.356.388.307	2.153.188.307
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	1.356.388.307	2.153.188.307
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		45.103.790.437	57.938.950.690
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	45.103.790.437	57.938.950.690
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		657.640.156.663	1.036.331.160.628

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG
Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, phường Rạch Giá
tỉnh An Giang

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
C - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		383.137.514.645	771.229.517.139
I. Nợ ngắn hạn	310		379.695.214.645	769.379.417.139
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	99.494.322.997	19.218.399.630
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	34.081.350.872	6.912.098.944
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	2.946.267.924	7.325.080.790
4. Phải trả người lao động	314		18.499.352.232	10.603.939.062
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	25.509.371.893	19.989.653.148
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	113.752.489	614.028.500
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	180.386.828.658	690.222.039.497
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		16.682.000.000	12.471.000.000
10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.981.967.580	2.023.177.568
II. Nợ dài hạn	330		3.442.300.000	1.850.100.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16	3.442.300.000	1.850.100.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		274.502.642.018	265.101.643.489
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.17	274.502.642.018	265.101.643.489
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		254.300.000.000	254.300.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		254.300.000.000	254.300.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.721.783.837	5.460.090.397
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		14.480.858.181	5.341.553.092
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	107.684.290
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		14.480.858.181	5.233.868.802
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		657.640.156.663	1.036.331.160.628

An Giang, ngày 12 tháng 01 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Chúc Hà

Trần Thị Diệp

Dương Thị Thanh Nguyệt

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	5.232.309.511.462	7.403.990.025.919
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	787.335.746	1.009.800.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.1	5.231.522.175.716	7.402.980.225.919
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	4.670.340.994.135	6.773.860.280.371
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		561.181.181.581	629.119.945.548
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	35.698.165.407	51.122.962.796
7. Chi phí tài chính	22	6.4	56.759.083.379	97.339.539.203
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		30.824.101.042	60.402.468.567
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	445.493.788.919	501.457.340.414
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	72.250.730.446	66.375.424.813
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		22.375.744.244	15.070.603.914
11. Thu nhập khác	31	6.7	390.453.600	486.253.199
12. Chi phí khác	32	6.7	1.880.651.276	298.787.696
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.7	(1.490.197.676)	187.465.503
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		20.885.546.568	15.258.069.417
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	6.404.688.387	10.024.200.615
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		14.480.858.181	5.233.868.802
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	569	181

An Giang, ngày 12 tháng 01 năm 2026
Tổng Giám đốc



Đương Thị Thanh Nguyệt

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chữ ký

Nguyễn Thị Chúc Hà

Chữ ký

Trần Thị Diệp

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2025	Năm 2024
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		20.885.546.568	15.258.069.417
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		15.205.599.397	15.160.067.909
- Các khoản dự phòng	03		10.691.918.442	(18.270.180.700)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		169.338.054	6.651.392.244
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(116.237.595)	(149.161.036)
- Chi phí lãi vay	06		30.824.101.042	60.402.468.567
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		77.660.265.908	79.052.656.401
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		114.006.019.362	(82.018.938.652)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		285.454.412.800	(9.699.474.162)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		120.780.760.748	(330.174.860.250)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		13.688.059.410	(1.881.215.136)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(31.272.510.851)	(60.149.107.174)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(10.783.535.733)	(8.713.694.598)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		17.550.000	20.900.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(660.654.900)	(1.544.484.358)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		568.890.366.744	(415.108.217.929)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(15.328.876.570)	(4.502.577.940)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		92.812.937	149.161.036
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(15.236.063.633)	(4.353.416.904)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		3.675.807.141.520	6.289.003.648.153
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(4.184.050.152.359)	(5.987.378.153.297)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.450.250.000)	(9.536.250.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(512.693.260.839)	292.089.244.856
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		40.961.042.272	(127.372.389.977)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		22.096.855.325	149.461.474.363
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(57.593.324)	7.770.939
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	63.000.304.273	22.096.855.325

An Giang, ngày 12 tháng 01 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Chữ ký

Nguyễn Thị Chúc Hà

Chữ ký

Trần Thị Diệp



Đương Thị Thanh Nguyệt

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG
Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, phường Rạch Giá
tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang được thành lập trên cơ sở chuyển từ Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Kiên Giang thuộc Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Lương thực Miền Nam (nay là Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần) thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 11/QĐ-HĐTV ngày 16/01/2015 của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty Lương thực Miền Nam về việc tiến hành cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Xuất nhập khẩu Kiên Giang. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 1700100989 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang (nay đã sáp nhập và trở thành Sở Tài chính tỉnh An Giang) cấp lần đầu ngày 07/11/2005, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi các lần và lần thứ 22 ngày 06/01/2026.

Tên Công ty bằng tiếng Anh: KIEN GIANG IMPORT & EXPORT JOINT STOCK COMPANY.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1700100989 thay đổi lần thứ 22 ngày 06/01/2026 là 254.300.000.000 VND (Bằng chữ: Hai trăm năm mươi bốn tỷ, ba trăm triệu đồng chẵn).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được giao dịch trên hệ thống giao dịch UpCOM.

Mã cổ phiếu: KGM.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Rạch Giá, tỉnh An Giang.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 275 người (tại ngày 31/12/2024 là 270 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Trồng lúa;
- Trồng cây lâu năm khác;
- Xây xát và sản xuất bột thô;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: - Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan (không kinh doanh tại trụ sở công ty) - Kinh doanh củi trấu;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn xi măng;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp;
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột (mì, miến đóng gói,...); thực phẩm khác (cá đóng hộp, cà phê đóng gói, cà phê sữa, sữa milo, dầu ăn, nước mắm, nước tương, tương ớt, hạt nêm, trà,...); thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ bia, nước ngọt, trà xanh các loại, nước yến, nước tinh khiết đóng chai, sừng sâm, trái vại,...;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm liên quan (không kinh doanh tại trụ sở công ty);

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG
Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, phường Rạch Giá
tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh (bông giấy vệ sinh, tã, nước tẩy, xà bông bột, nước xả, nhang muỗi,...);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Bán buôn nông sản;
- Bán buôn gạo;
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Bán buôn thủy sản;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Sản xuất chế biến, kinh doanh các mặt hàng lương thực, cá cơm và kinh doanh xăng dầu./

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc của Công ty tại ngày 31/12/2025 bao gồm:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang	25 Vũ Tông Phan, phường Bình Trung, thành phố Hồ Chí Minh
Xí nghiệp Chế biến Lương thực Xuất khẩu An Hòa	44 đường Ngô Thời Nhiệm, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang
Xí nghiệp Chế biến Lương thực Xuất khẩu Tân Phú	Tập đoàn 4, Ấp Tân Phú, xã Tân Hiệp, tỉnh An Giang
Xí nghiệp Chế biến Lương thực Xuất khẩu Thạnh Hưng	Ấp Thạnh Trung, xã Thạnh Hưng, tỉnh An Giang
Xí nghiệp Chế biến Lương thực Xuất khẩu Vĩnh Thắng	Tổ 4, ấp Vĩnh Tiến, xã Vĩnh Tuy, tỉnh An Giang.
Xí nghiệp Chế biến Lương thực Xuất khẩu Sơn Thuận	Tổ 1, Ấp Vàm Răng, xã Sơn Kiên, tỉnh An Giang.
Xí nghiệp Chế biến Cá Cơm Hòn Chông	Tổ 4, ấp Hòn Chông, xã Kiên Lương, tỉnh An Giang.
Xí nghiệp Kinh doanh Xăng dầu An Bình	44 đường Ngô Thời Nhiệm, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANGSố 85 - 87 đường Lạc Hồng, phường Rạch Giá
tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ giao dịch phát sinh tại các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc và văn phòng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc áp dụng tỷ giá hối đoái trong kế toán**Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay): Là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và Ngân hàng thương mại cổ phần;
- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của Ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của Ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANGSố 85 - 87 đường Lạc Hồng, phường Rạch Giá
tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính**

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, nợ phải thu...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại cổ phần nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày 31/12/2025.

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại cổ phần nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày 31/12/2025.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 10

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIẾN GIANGSố 85 - 87 đường Lạc Hồng, phường Rạch Giá
tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 5 năm.

Thuê hoạt động

Các khoản thuê hoạt động của Công ty bao gồm thuê mặt bằng để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ, bao bì chờ phân bổ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản

Các khoản chi phí sửa chữa tài sản được Công ty phân loại thành sửa chữa nhỏ và sửa chữa lớn. Các khoản chi phí này được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian tối đa 12 tháng (đối với chi phí sửa chữa nhỏ) và tối đa 36 tháng (đối với chi phí sửa chữa lớn).

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ tương đương với thời gian hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm liên quan.

Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, (gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên kết);
- Phải trả khác: Gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIẾN GIANGSố 85 - 87 đường Lạc Hồng, phường Rạch Giá
tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay phải trả: Trích trước dựa trên số dư nợ, lãi suất áp dụng và số ngày tính lãi, căn cứ trên hợp đồng vay.
- Các khoản chi phí dịch vụ mua ngoài khác: Được trích trước khi thực tế Công ty đã nhận được hàng hóa, dịch vụ liên quan, tuy nhiên chưa nhận được hóa đơn, giá trị trích trước được căn cứ vào hợp đồng, hoặc thỏa thuận giữa Công ty và nhà cung ứng.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay từ các Ngân hàng thương mại cổ phần.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Báo cáo tài chính sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty phê duyệt mức chia cổ tức.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm (các mặt hàng lương thực như lúa gạo, cá cơm và các mặt hàng xăng, dầu, dầu nhờn) và doanh thu cung cấp dịch vụ khác.

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, phường Rạch Giá

tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi và thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong năm chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chênh lệch tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ hoặc khi thanh toán nợ phải trả, hoặc thu hồi các khoản nợ phải thu.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, phường Rạch Giá

tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ mà Công ty sản xuất ra, do vậy báo cáo chính yếu được lập căn cứ vào thông tin về lĩnh vực kinh doanh (kinh doanh lương thực, kinh doanh cá cơm, kinh doanh xăng dầu). Báo cáo thứ yếu được lập căn cứ vào thông tin về khu vực địa lý, vị trí của các khách hàng của Công ty (xuất khẩu, nội địa).

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	362.451.000	548.935.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	32.637.853.273	21.547.920.325
Các khoản tương đương tiền (i)	30.000.000.000	-
Tổng	63.000.304.273	22.096.855.325

(i) Khoản tương đương tiền là tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Kiên Giang có kỳ hạn 03 tháng, lãi suất 4,75%/năm.

5.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Sikakroabea Co.Ltd	33.806.775.111	169.407.442.678
Three Hills Ghana Limited	-	22.408.875.553
Công ty Cổ phần Chế biến	-	36.396.914.375
Xuất nhập khẩu Ngọc Thiên Hương	-	-
Louis Dreyfus Company Asia PTE Ltd	16.508.804.473	47.976.900
Olam Global Agri PTE Ltd	11.549.535.896	-
Các đối tượng khác	15.441.190.654	29.821.568.539
Tổng (i)	77.306.306.134	258.082.778.045

(i) Trong đó, quyền đòi nợ bao gồm số dư nợ phải thu khách hàng của các khách hàng xuất khẩu tại ngày 31/12/2025 là 72.101.292.398 VND (tại ngày 31/12/2024 là 197.452.881.454 VND) và lợi ích từ các Hợp đồng bán gạo với khách hàng được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay tại các Ngân hàng (Thuyết minh số 5.16).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, phường Rạch Giá
tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Công ty TNHH Xây dựng Hân Phát Kiên Giang	-	356.878.253
Công ty Cổ phần Enco	246.418.200	-
Công ty TNHH MTV Phát Phước Thành	2.340.000.000	-
Trung tâm Xúc Tiến Thương Mại Nông Nghiệp	420.700.000	-
Các đối tượng khác	438.170.997	347.463.737
Tổng	3.445.289.197	704.341.990

5.4 Phải thu khác

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
a) Ngắn hạn	262.774.683	(126.350.025)	288.002.276	(126.350.025)
- Phải thu người lao động	113.000.000	-	-	-
- Phải thu khác	149.774.683	(126.350.025)	288.002.276	(126.350.025)
- Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	23.424.658	-	-	-
- Các khoản khác	126.350.025	(126.350.025)	288.002.276	(126.350.025)
b) Dài hạn	75.000.000	-	75.000.000	-
- Ký cược ký quỹ dài hạn	75.000.000	-	75.000.000	-
Tổng	337.774.683	(126.350.025)	363.002.276	(126.350.025)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, phường Rạch Giá
tỉnh An Giang

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.5 Nợ xấu

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
Các khoản phải thu khách hàng				
Công ty TNHH Mỹ Nghi		199.757.000		199.757.000
- Nguyễn Ngọc Thảo	Trên 3 năm	129.757.000	Trên 3 năm	129.757.000
Công ty TNHH Tâm Hùng	Trên 3 năm	70.000.000	Trên 3 năm	70.000.000
Trả trước cho người bán				
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Duy Tân	Trên 3 năm	115.739.659	Trên 3 năm	115.739.659
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Bảo	Trên 3 năm	65.739.659	Trên 3 năm	65.739.659
Phải thu khác				
Công ty TNHH Hoàng Mỹ	Trên 3 năm	50.000.000	Trên 3 năm	50.000.000
DNTN Mê Linh, An Giang	Trên 3 năm	126.350.025	Trên 3 năm	126.350.025
DNTN Út Hoàng (Lê Thị Hoàng)	Trên 3 năm	51.385.725	Trên 3 năm	51.385.725
Tổng	Trên 3 năm	40.808.300	Trên 3 năm	40.808.300
	Trên 3 năm	34.156.000	Trên 3 năm	34.156.000
Tổng		441.846.684		(441.846.684)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG
Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, phường Rạch Giá
tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.6 Hàng tồn kho

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	3.727.314.815	-	4.131.353.482	-
Nguyên liệu, vật liệu	122.508.707.940	(6.952.742.122)	68.963.353.520	(7.394.189.725)
Công cụ, dụng cụ	17.801.819.962	-	1.352.890.023	-
Thành phẩm	28.251.764.901	(1.541.974.028)	91.301.940.797	(2.306.973.340)
Hàng hóa	77.074.655.878	(7.698.708.394)	369.069.138.474	(11.343.037)
Tổng	249.364.263.496	(16.193.424.544)	534.818.676.296	(9.712.506.102)

Giá trị hàng tồn kho, bao gồm nguyên liệu chính, thành phẩm và hàng hóa, luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kiên Giang hình thành từ vốn vay được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng tại ngày 31/12/2025 là 224.265.980.112 VND (tại ngày 01/01/2025: 523.564.645.215 VND). Chi tiết tại Thuyết minh số 5.16.

5.7 Chi phí trả trước

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Ngắn hạn	903.561.845	1.756.461.002
Công cụ, dụng cụ, bao bì chờ phân bổ	643.289.599	764.471.102
Chi phí sửa chữa tài sản	158.262.514	837.177.931
Chi phí bảo hiểm	-	58.900.533
Chi phí bốc xếp, đồ học, gia công hàng chờ xuất	42.170.566	30.210.511
Chi phí trả trước khác	59.839.166	65.700.925
b) Dài hạn	45.103.790.437	57.938.950.690
Công cụ, dụng cụ, bao bì chờ phân bổ	441.447.307	1.405.145.779
Chi phí sửa chữa tài sản	-	10.677.670.667
Chi phí bảo hiểm	102.880.406	93.319.616
Tiền thuê đất trả trước (i)	44.171.608.295	45.423.103.391
Chi phí trả trước khác	387.854.429	339.711.237
Tổng	46.007.352.282	59.695.411.692

(i) Tiền thuê đất trả trước trình bày giá trị còn lại của các quyền sử dụng đất có nguồn gốc từ đất giao có thu tiền sử dụng đất với thời hạn thuê tối đa 50 năm. Theo các văn bản của Cục thuế tỉnh An Giang, các lô đất này không phải trả tiền thuê đất trong khoảng thời gian còn lại.

Tại ngày 31/12/2025, giá trị còn lại chưa phân bổ của các quyền sử dụng đất thuê đề cập bên trên đang được cầm cố, thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng thương mại cổ phần là 30.521.239.602 VND (tại ngày 01/01/2025: 43.865.976.020 VND). Chi tiết tại Thuyết minh số 5.16.

Mẫu số B 09 -]
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-B
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài ch

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG
Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, phường Rạch Giá
tỉnh An Giang

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.8 Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình

	Đơn vị tính: VND		TSCĐ hữu hình khác	Tổ
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Thiết bị, dụng cụ quản lý	
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại ngày 01/01/2025	227.794.301.937	155.689.578.779	1.082.150.830	464.335.338.9
Tăng trong năm	976.490.498	9.184.631.905	166.600.000	16.005.676.5
Mua trong năm	-	9.184.631.905	166.600.000	15.029.186.0
Xây dựng cơ bản hoàn thành	976.490.498	-	-	976.490.4
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2025	228.770.792.435	164.874.210.684	1.248.750.830	480.341.015.4
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại ngày 01/01/2025	159.190.415.744	113.625.659.502	883.343.221	342.071.333.8
Tăng trong năm	5.812.375.562	6.918.968.985	54.358.978	15.204.666.0
Khấu hao trong năm	5.812.375.562	6.918.968.985	54.358.978	15.204.666.0
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2025	165.002.791.306	120.544.628.487	937.702.199	357.275.999.8
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2025	68.603.886.193	42.063.919.277	198.807.609	122.264.005.1
Tại ngày 31/12/2025	63.768.001.129	44.329.582.197	311.048.631	123.065.015.6

Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 là 104.328.877.749 VND (tại ngày 01/01/2025: 95.934.132.817 VND). Giá trị còn lại của Tài sản cố định hữu hình đang được cầm cố thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại ngày 31/12/2025 là 84.491.529.747 VND (tại ngày 01/01/2025: 90.072.274.698 VND).

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình chờ thanh lý tại ngày 31/12/2025 là 19.202.698.267 VND (tại ngày 01/01/2025: 19.588.128.360 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG
Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, phường Rạch Giá
tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.9 Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2025	-	-
Tăng trong năm	120.000.000	120.000.000
Mua trong năm	120.000.000	120.000.000
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2025	120.000.000	120.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2025	-	-
Tăng trong năm	933.333	933.333
Khấu hao trong năm	933.333	933.333
Giảm trong năm	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2025	933.333	933.333
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2025	-	-
Tại ngày 31/12/2025	119.066.667	119.066.667

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
a) Mua sắm	-	796.800.000
Mua tàu cá, hoán cải tàu cá	-	796.800.000
b) Xây dựng cơ bản	1.356.388.307	1.356.388.307
Công trình mở rộng sân phơi, nhà ở công nhân tại Xí nghiệp Cá Cơm (i)	1.356.388.307	1.356.388.307
Tổng	1.356.388.307	2.153.188.307

(i) Chi phí đầu tư cho Công trình mở rộng sân phơi, nhà ở công nhân tại Xí nghiệp Cá Cơm bao gồm tiền chi để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chi phí tư vấn, và các khoản chi phí đầu tư khác. Ngày 20/6/2024, Công ty đã gửi văn bản số 21/TTr-XNK-KTĐT đến các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tại tỉnh Kiên Giang để đăng ký nhu cầu sử dụng đất thực hiện dự án mở rộng sân phơi cá cơm, nhà ở công nhân năm 2024, đồng thời, Công ty đã thực hiện ước tính nghĩa vụ thuế dự kiến phải nộp khi chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất sản xuất phi nông nghiệp. Tại ngày lập Báo cáo tài chính này, Công ty chưa nhận được phản hồi chính thức từ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG
Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, phường Rạch Giá
tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Chế biến Xuất nhập khẩu Ngọc Thiên Hương	-	-	714.694.400	714.694.400
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Chế biến lương thực Thắng Lợi	-	-	2.830.000.000	2.830.000.000
Công ty Cổ phần Chế biến Xuất khẩu Gạo Ngọc Hân Lê	-	-	2.654.509.000	2.654.509.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Ngọc Quang Phát	-	-	11.668.640.500	11.668.640.500
Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Thương mại Dịch vụ Phan Minh	-	-	1.198.899.020	1.198.899.020
Công ty Cổ phần Hoàng Minh Nhật	72.000.000.000	72.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Tân Trường Thịnh	15.483.760.686	15.483.760.686	-	-
Phải trả người bán khác	12.010.562.311	12.010.562.311	151.656.710	151.656.710
Tổng	99.494.322.997	99.494.322.997	19.218.399.630	19.218.399.630
Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)	6.128.037.000	6.128.037.000	-	-

5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Three Hills Ghana Limited	15.995.837.264	-
Zest (Fzc)	11.880.086.125	-
Công ty Cổ phần Lương thực Bình Minh	-	1.020.800.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Ngọc Quang Phát	-	3.955.471.650
Đối tượng khác	6.205.427.483	1.935.827.294
Tổng	34.081.350.872	6.912.098.944
Trong đó,		
Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)	2.219.417.099	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, phường Rạch Giá
tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.13 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

	01/01/2025	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Đơn vị tính: VND
				30/6/2025
Phải nộp	7.325.080.790	7.418.307.961	11.797.120.827	2.946.267.924
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.204.459.514	6.404.688.387	10.783.535.733	2.825.612.168
Thuế thu nhập cá nhân	120.621.276	514.284.811	514.250.331	120.655.756
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	486.334.763	486.334.763	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	13.000.000	13.000.000	-
Phải thu	120.000	-	-	120.000
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	120.000	-	-	120.000

5.14 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Trích trước chi phí lãi vay	146.637.991	595.047.800
Trích trước các khoản chi phí làm hàng	20.784.242.510	18.517.891.193
Trích trước chi phí vận chuyển	4.186.886.840	-
Trích trước chi phí sửa chữa	26.487.404	-
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	365.117.148	876.714.155
Tổng	25.509.371.893	19.989.653.148

5.15 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải trả ngắn hạn khác	113.752.489	614.028.500
Tổng	113.752.489	614.028.500

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, phường Rạch Giá
tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.16 Vay và nợ thuê tài chính

Ghi chú	31/12/2025 (VND)		Trong năm (VND)		01/01/2025 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản vay ngắn hạn	180.386.828.658	180.386.828.658	3.674.214.941.520	4.184.050.152.359	690.222.039.497	690.222.039.497
Vay ngắn hạn	177.619.028.658	177.619.028.658	3.671.447.141.520	4.180.900.555.618	687.072.442.756	687.072.442.756
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Kiên Giang	-	-	745.605.073.560	805.035.361.420	59.430.287.860	59.430.287.860
Ngân Hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	-	-	59.643.928.000	59.643.928.000	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phú Quốc	177.619.028.658	177.619.028.658	1.201.532.619.710	1.377.240.209.948	353.326.618.896	353.326.618.896
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - CN Sài Gòn	-	-	310.800.015.000	353.623.491.000	42.823.476.000	42.823.476.000
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - CN TP. Hồ Chí Minh	-	-	979.490.723.000	1.081.899.131.000	102.408.408.000	102.408.408.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Cần Thơ	-	-	324.156.820.000	453.240.472.000	129.083.652.000	129.083.652.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Cần Thơ	-	-	19.466.672.250	19.466.672.250	-	-
Ngân hàng TMCP Thịnh Vượng và Phát triển - CN Cần Thơ	-	-	1.723.150.000	1.723.150.000	-	-
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - CN TP. Hồ Chí Minh	-	-	3.231.000.000	3.231.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - CN Kiên Giang	-	-	25.797.140.000	25.797.140.000	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	2.767.800.000	2.767.800.000	2.767.800.000	3.149.596.741	3.149.596.741	3.149.596.741
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phú Quốc	2.767.800.000	2.767.800.000	2.767.800.000	3.149.596.741	3.149.596.741	3.149.596.741

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.16 Vay và nợ thuế tài chính (Tiếp theo)

Ghi chú	31/12/2025 (VND)			Trong năm (VND)			01/01/2025 (VND)		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		Tăng	Giảm		Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a) Các khoản vay ngắn hạn (trung trước chuyển sang)	180.386.828.658	180.386.828.658		3.674.214.941.520	4.184.050.152.359		690.222.039.497	690.222.039.497	
b) Vay dài hạn	3.442.300.000	3.442.300.000		4.360.000.000	2.767.800.000		1.850.100.000	1.850.100.000	
(ii) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Phú Quốc	3.442.300.000	3.442.300.000		4.360.000.000	2.767.800.000		1.850.100.000	1.850.100.000	
Tổng	183.829.128.658	183.829.128.658		3.678.574.941.520	4.186.817.952.359		692.072.139.497	692.072.139.497	

(i) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Quốc (“BIDV Phú Quốc”) theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2025/679501/HĐTD ngày 19/8/2025 với các thông tin chi tiết như sau:

Hạn mức cấp tín dụng : 400.000.000.000 VND;

Thời hạn hiệu lực : 12 tháng kể từ ngày ký

Mục đích vay

Lãi suất

Hình thức đảm bảo tiền vay

BIDV Phú Quốc tài trợ.

BIDV Phú Quốc tài trợ.

T
GI
Â
H
G
/O

A
VI
M
N
ON
C

ON
N
M
VI
A

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIẾN GIANG

Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, phường Rạch Giá

Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, phường Rạch Giá

tỉnh An Giang

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.16 Vay và nợ thuế tài chính (Tiếp theo)

(ii) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phú Quốc (“BIDV Phú Quốc”) theo Hợp đồng tín dụng trung dài hạn sau:

Hợp đồng cấp tín dụng số 04/2023/679501/HĐTD ngày 30/6/2023;

Số tiền vay : 800.000.000 VND;

Mục đích vay

: Mua xe ô tô phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

Thời hạn vay : 36 tháng:

Lãi suất

: Lãi suất cho vay trong hạn : 09%/tháng được áp dụng trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Sau thời gian này, áp dụng lãi suất thả nổi bằng lãi suất huy động tiết kiệm dân cư kỳ hạn 24 tháng trả lãi sau của BIDV + Margin tối thiểu là 5% và được xác định, điều chỉnh 06 tháng một lần;

Lãi suất quá hạn áp dụng với nợ gốc quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn;

Lãi chậm trả đối với nợ lãi chậm trả là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả nhưng tối đa không quá 2.000.000 VND/lần chậm trả;

Thời hạn thanh toán nợ gốc : Nợ gốc vay được trả trong 12 kỳ, mỗi kỳ 03 tháng hoặc hàng quý, vào ngày 25 cuối cùng hàng kỳ trả nợ;

Hình thức đảm bảo tiền vay

Hợp đồng cấp tin dụng số 05/2023/679501/HĐTD ngày 01/12/2023:

Số tiền vay : 1.200.000.000 VND:

Mục đích vay

Thời hạn vay : 36 tháng:

Lãi suất

: Lãi suất cho vay trong hạn : 8,3%/tháng được áp dụng trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Sau thời gian này, áp dụng lãi suất thả nổi bằng lãi suất huy động tiết kiệm dân cư kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của BIDV + Margin tối thiểu là 4,7% và được xác định, điều chỉnh 06 tháng một lần;

Lãi suất quá hạn áp dụng với nợ gốc quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn;

Lãi chậm trả đối với nợ lãi chậm trả là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả nhưng tối đa không quá 2.000.000 VND/lần chậm trả;

Thời hạn thanh toán nợ gốc

Hình thức đảm bảo tiền vay

10
3
H
TO
IT
NỘ
01
TY
ÂN
'K
AN
NH

TO THE
HONORABLE
G. H. H. H.
TO THE
HONORABLE

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.16 Vay và nợ thuế tài chính (Tiếp theo)

Hợp đồng cấp tín dụng số 01/2024/679501/HĐTD ngày 01/7/2024;

Số tiền vay : 2.142.000.000 VND;

Mục đích vay : Đầu tư tài sản cố định gián tiếp, phục vụ hoạt động kinh doanh;

Thời hạn vay : 36 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày BIDV Phú Quốc giải ngân đầu tiên;

Lãi suất

: Lãi suất cho vay trong hạn: 8,5%/năm; áp dụng trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Sau thời gian này, áp dụng lãi suất thả nổi bằng lãi suất huy động tiết kiệm dân cư kỳ hạn 24 tháng trả lãi sau của BDV + Margin tối thiểu 4,4%, được điều chỉnh 06 tháng 1 lần;

Lãi suất quá hạn áp dụng với nợ gốc quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn;

Lãi chậm trả đối với nợ lãi chậm trả là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả;

Thời hạn thanh toán nợ gốc : Nợ gốc vay được trả trong 12 kỳ, mỗi kỳ 03 tháng hoặc hàng quý, vào ngày 25 cuối cùng hàng kỳ trả nợ;

Hình thức đảm bảo tiền vay

Hợp đồng tín dụng số 02/2025/679501/HĐTD ngày 20/10/2025;

Số tiền vay : 4.360.000.000 VND;

Mục đích vay : Đầu tư hệ thống máy móc thiết bị phục vụ cho hoạt động kinh doanh;

Thời hạn vay : 36 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày BIDV Phú Quốc giải ngân đầu tiên;

Lãi suất

: Lãi suất cho vay trong hạn: 8,5%/năm; áp dụng trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Sau thời gian này, áp dụng lãi suất thả nổi bằng lãi suất huy động tiết kiệm dân cư kỳ hạn 24 tháng trả lãi sau của BDV + Margin tối thiểu 2,9%, được điều chỉnh 06 tháng 1 lần;

Lãi suất quá hạn áp dụng với nợ gốc quá hạn là 150% lãi suất cho vay trong hạn; Lãi chậm trả đối với nợ lãi chậm trả là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả;

Thời hạn thanh toán nợ gốc : Nợ gốc vay được trả trong 12 kỳ, mỗi kỳ 03 tháng hoặc hàng quý, vào ngày 25 cuối cùng hàng kỳ trả nợ;

Hình thức đảm bảo tiền vay : Tài sản hình thành từ vốn vay.

Tại ngày 31/12/2025, tổng số dư nợ vay trung dài hạn tại BIDV Phú Quốc là 6.210.100.000 VND, trong đó, các khoản nợ vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng tiếp theo tính tại ngày 31/12/2025 là 2.767.800.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIẾN GIANG

Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, phường Rạch Giá
tỉnh An Giang

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.17 Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

Đang chờ kiểm định của vốn chủ sở hữu				Đơn vị tính: VND	
	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng	
Số dư tại ngày 01/01/2024	254.300.000.000	4.209.733.538	12.543.773.009	271.053.506.547	
Lãi trong năm trước	-	-	5.233.868.802	5.233.868.802	
Chia cổ tức	-	-	(9.536.250.000)	(9.536.250.000)	
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	1.250.356.859	(1.250.356.859)	-	
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(1.250.356.860)	(1.250.356.860)	
Trích Quỹ thưởng người quản lý	-	-	(299.125.000)	(299.125.000)	
Trích Quỹ tham gia từ thiện xã hội	-	-	(100.000.000)	(100.000.000)	
Số dư tại ngày 31/12/2024	254.300.000.000	5.460.090.397	5.341.553.092	265.101.643.489	
Số dư tại ngày 01/01/2025	254.300.000.000	5.460.090.397	5.341.553.092	265.101.643.489	
Lãi trong năm nay	-	-	14.480.858.181	14.480.858.181	
Chia cổ tức (i)	-	-	(4.450.250.000)	(4.450.250.000)	
Trích Quỹ đầu tư phát triển (i)	-	261.693.440	(261.693.440)	-	
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	(523.386.880)	(523.386.880)	
Trích Quỹ thưởng người quản lý (i)	-	-	(78.508.032)	(78.508.032)	
Trích Quỹ tham gia từ thiện xã hội (i)	-	-	(27.714.740)	(27.714.740)	
Số dư tại ngày 31/12/2025	254.300.000.000	5.721.783.837	14.480.858.181	274.502.642.018	

(i) Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 số 60/NO-XNK-ĐHĐCĐ ngày 15/5/2025, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

- Trích lập Quỹ thưởng người quản lý: 1,5% lợi nhuận sau thuế, tương đương 78.508.032 VND;
- Trích lập Quỹ đầu tư phát triển: 5% lợi nhuận sau thuế, tương đương 261.693.440 VND;
- Trích lập Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi: tổng cộng 10% lợi nhuận sau thuế, tương đương 523.386.880 VND;
- Trích lập Quỹ tham gia hoạt động từ thiện xã hội: 0,5% lợi nhuận sau thuế, tương đương 27.714.740 VND;
- Chia cổ tức bằng tiền mặt: 1,75% trên vốn điều lệ (175 VND/cổ phần), tương đương 4.450.250.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG
Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, phường Rạch Giá
tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần	211.848.000.000	211.848.000.000
Các cổ đông khác	42.452.000.000	42.452.000.000
Tổng	254.300.000.000	254.300.000.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và chia lợi nhuận

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	254.300.000.000	254.300.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	254.300.000.000	254.300.000.000
Cổ tức đã chia	4.450.250.000	9.536.250.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	25.430.000	25.430.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	25.430.000	25.430.000
Cổ phiếu phổ thông	25.430.000	25.430.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.430.000	25.430.000
Cổ phiếu phổ thông	25.430.000	25.430.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	5.721.783.837	5.460.090.397
Tổng	5.721.783.837	5.460.090.397

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG
Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, phường Rạch Giá
tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

5.18 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

a. Tài sản thuê ngoài

Công ty ký kết các Hợp đồng thuê đất tại địa phương nơi đặt văn phòng và các xí nghiệp, chi nhánh trực thuộc để sử dụng với mục đích làm cơ sở sản xuất kinh doanh, kho bãi với thời hạn thuê tối đa là 50 năm. Trong đó bao gồm:

- Thuê đất trả tiền một lần cho cả thời hạn thuê: Để sử dụng làm trụ sở làm việc, nhà để xe với tổng diện tích là 867,7 m2;
- Thuê đất trả tiền hàng năm: Để sử dụng làm cơ sở chế biến lương thực xuất khẩu, chế biến cá cơm xuất khẩu, kinh doanh xăng dầu với tổng diện tích là 299.032,2 m2.

b. Ngoại tệ các loại

	31/12/2025	01/01/2025
Theo giá trị nguyên tệ		
USD	899.714,61	221.251,88
EUR	44,18	98,91
Theo giá trị tương đương VND	23.540.183.059	5.797.118.289
USD	23.538.836.850	5.794.530.408
EUR	1.346.209	2.587.881

c. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số nợ đã xóa		
	31/12/2025	01/01/2025	Thời điểm xóa nợ
	VND	VND	
Công ty Xuất nhập khẩu Phú Thọ	12.693.281	12.735.935	Năm 2016
Nguyễn Thị Tuyết - Tàu Tiên Phương	46.255.000	46.255.000	Năm 2016
Trần Thanh Đình - XN An Hòa	166.982.720	166.982.720	Năm 2019
DNTN Thành Phước	229.845.000	229.845.000	Năm 2019
Trần Quốc Đoàn	168.738.419	168.738.419	Năm 2019
Trung tâm tư vấn Dịch vụ Xây dựng huyện Kiên Lương	15.000.000	15.000.000	Năm 2019
KUO Corp - Xi măng (193.760,00 USD)	4.482.637.600	4.482.637.600	Năm 2019
KUO Corp - Phí tòa án Xi măng (12.339,98 USD)	285.485.437	285.485.437	Năm 2019
Chi nhánh DNTN Mỹ lệ	17.900.000	17.900.000	Năm 2019
Công ty TNHH Tâm Huy	602.770.000	602.770.000	Năm 2019
Tổng	6.028.307.457	6.028.350.111	

Nguyên nhân của việc xóa nợ: Các khoản nợ phải thu là nợ phải thu khó đòi trên 03 năm và đã được trích lập dự phòng, một số khoản phải thu khách hàng có giá trị lớn đã được Công ty khởi kiện ra tòa án nhưng chưa thể thi hành án do các khách hàng không còn tài sản để thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANGSố 85 - 87 đường Lạc Hồng, phường Rạch Giá
tỉnh An Giang**Mẫu số B 09 - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm, phụ phẩm	5.229.826.279.699	7.399.896.019.198
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.765.488.763	1.191.818.316
Doanh thu khác	717.743.000	2.902.188.405
Tổng	5.232.309.511.462	7.403.990.025.919

Các khoản giảm trừ doanh thu

Giảm giá hàng bán	787.335.746	1.009.800.000
Tổng	787.335.746	1.009.800.000

Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm, phụ phẩm	5.229.038.943.953	7.398.886.219.198
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.765.488.763	1.191.818.316
Doanh thu khác	717.743.000	2.902.188.405
Tổng	5.231.522.175.716	7.402.980.225.919

Trong đó,

*Doanh thu với các bên liên quan
(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)*

94.406.227.124 411.499.206.645

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm, phụ phẩm	4.661.746.647.199	6.793.824.029.264
Giá vốn hàng tồn kho hao hụt bảo quản	2.113.428.494	3.259.827.807
Dự phòng/(Hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	6.480.918.442	(23.223.576.700)
Tổng	4.670.340.994.135	6.773.860.280.371

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lãi tiền gửi	116.237.595	149.161.036
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	35.581.927.812	50.973.801.760
Tổng	35.698.165.407	51.122.962.796

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANGSố 85 - 87 đường Lạc Hồng, phường Rạch Giá
tỉnh An Giang**Mẫu số B 09 - DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí lãi vay	30.824.101.042	60.402.468.567
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	25.765.644.283	30.285.678.392
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	169.338.054	6.651.392.244
Tổng	56.759.083.379	97.339.539.203

6.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân viên	1.568.086.527	1.600.025.507
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, và bao bì	203.141.562.014	202.227.547.397
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	3.000.000	5.368.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	418.513.481	593.445.450
Chi phí dịch vụ mua ngoài	230.980.241.803	289.160.632.247
Chi phí bằng tiền khác	9.382.385.094	7.870.321.813
Tổng	445.493.788.919	501.457.340.414

Trong đó,

*Chi phí bán hàng với các bên liên quan
(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)*

129.401.660 1.611.009.595

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nhân viên quản lý	37.283.926.006	26.155.987.167
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, và dụng cụ quản lý	2.259.614.668	1.817.251.563
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.275.043.640	1.731.183.903
Thuế phí và lệ phí	82.800.977	95.331.389
Chi phí dự phòng	4.211.000.000	8.585.721.946
- Trích lập chi phí văn phòng sửa chữa định kỳ	3.230.000.000	2.870.000.000
- Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	(17.604.000)
- Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng quỹ tiền lương	981.000.000	5.733.325.946
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.557.816.807	7.402.039.417
Chi phí bằng tiền khác	19.580.528.348	20.587.909.428
Tổng	72.250.730.446	66.375.424.813

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG
Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, phường Rạch Giá
tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6.7 Lợi nhuận khác

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Thu nhập khác		
Các khoản phạt, bồi thường hợp đồng kinh tế nhận được	50.000.000	-
Các khoản khác	340.453.600	486.253.199
Tổng	390.453.600	486.253.199
Chi phí khác		
Chi phí bồi thường tổn thất của hợp đồng kinh tế	1.092.468.100	-
Các khoản phạt vi phạm hành chính và tiền chậm nộp	153.072.623	155.663.475
Phí lưu kho, lưu bãi, xử lý chứng từ	-	99.200.000
Thuế giá trị gia tăng không được khấu trừ	547.490.918	
Các khoản khác	87.619.635	43.924.221
Tổng	1.880.651.276	298.787.696
Lợi nhuận khác	(1.490.197.676)	187.465.503

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG
Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, phường Rạch Giá
tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế, trong đó:	20.885.546.568	15.258.069.417
Các khoản điều chỉnh tăng	11.137.930.642	34.353.927.949
Các khoản phạt vi phạm hành chính và tiền nộp chậm	700.563.541	117.494.883
Tiền thù lao HĐQT không chuyên trách	264.000.000	247.500.000
Chi phí khấu hao xe ô tô dưới 9 chỗ ngồi đối với phần vượt trên 1,6 tỷ VND	79.106.868	79.106.868
Chi phí lãi vay thuần không được trừ theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 và Nghị định số 20/2025/NĐ-CP ngày 10/02/2025	9.845.652.792	32.732.665.196
Lỗi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm	169.373.330	29.638.983
Chi phí không được trừ khác	79.234.111	1.147.522.019
Các khoản điều chỉnh giảm	(35.276)	(524.778.739)
Lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm	(35.276)	(359.778.739)
Các khoản điều chỉnh giảm khác	-	(165.000.000)
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	32.023.441.934	49.087.218.627
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	32.023.441.934	49.087.218.627
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm	6.404.688.387	9.817.443.725
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	206.756.890
Thuế thu nhập doanh nghiệp bị truy thu theo Quyết định số 353/QĐ-VPHC ngày 16/12/2024	-	206.756.890
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.404.688.387	10.024.200.615

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG
Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, phường Rạch Giá
tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2025	Năm 2024 (Trình bày lại) (ii)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	14.480.858.181	5.233.868.802
Các khoản điều chỉnh	-	(629.609.652)
<i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng người quản lý</i>	-	(601.894.912)
<i>Quỹ tham gia từ thiện xã hội</i>	-	(27.714.740)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND) (i)	14.480.858.181	4.604.259.150
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	25.430.000	25.430.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) (i)	569	181

- (i) Tại ngày Báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ thưởng người quản lý và Quỹ tham gia từ thiện xã hội. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý và Quỹ tham gia từ thiện xã hội cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025, lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.
- (ii) Công ty xác định lại lãi cơ bản trên cổ phiếu do số trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ thưởng người quản lý và Quỹ tham gia từ thiện xã hội thay đổi theo kết quả phân chia lợi nhuận năm 2024, được phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 số 60/NQ-XXNK-ĐHĐCĐ ngày 15/5/2025. Số liệu cụ thể như sau:

	Số đã báo cáo	Số trình bày lại	Chênh lệch
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	5.233.868.802	5.233.868.802	-
Các khoản điều chỉnh	-	(629.609.652)	(629.609.652)
<i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng người quản lý</i>	-	(601.894.912)	(601.894.912)
<i>Quỹ tham gia từ thiện xã hội</i>	-	(27.714.740)	(27.714.740)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND) (i)	5.233.868.802	4.604.259.150	(629.609.652)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	25.430.000	25.430.000	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	206	181	(25)

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.379.049.845.088	2.851.623.972.358
Chi phí kinh doanh hàng hóa thương mại	2.371.192.067.827	4.167.112.758.221
Chi phí nhân công	61.571.918.979	45.761.295.497
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.457.094.493	16.411.563.005
Trích lập/(Hoàn nhập) các khoản dự phòng	981.000.000	5.715.721.946
Chi phí dịch vụ mua ngoài	259.439.523.843	315.031.848.619
Chi phí khác bằng tiền	29.862.968.932	29.473.041.640
Tổng	5.118.554.419.162	7.431.130.201.286

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG
Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, phường Rạch Giá
tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan của Công ty:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ
2	Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	Cùng Công ty mẹ
3	Công ty Lương thực Long An	Chi nhánh của Công ty mẹ
4	Công ty Lương thực Tiền Giang	Chi nhánh của Công ty mẹ
5	Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác tại Công ty và những thành viên thân cận trong gia đình của những người này	Ảnh hưởng đáng kể

a. Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Các bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và những người quản lý khác	Các khoản thù lao, lương, thưởng, và thu nhập khác	3.529.554.700	2.942.229.200

Chi tiết như sau:

Thù lao của từng thành viên Hội đồng Quản trị và người quản lý khác

Họ và tên	Chức danh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ông Bạch Ngọc Văn	Chủ tịch HĐQT	144.000.000	120.000.000
Bà Dương Thị Thanh Nguyệt	Phó Chủ tịch HĐQT thường trực	120.000.000	108.000.000
Ông Mai Thành Công	Phó Chủ tịch HĐQT	120.000.000	96.000.000
Ông Phạm Minh Trung	Thành viên HĐQT	120.000.000	84.000.000
Ông Đặng Quốc Việt	Thành viên HĐQT (Đến ngày 15/4/2024)		24.500.000
Bà Trần Tú Khanh	Thành viên HĐQT (Từ ngày 15/4/2024)	120.000.000	59.500.000
Ông Trần Công Lý	Thư ký Công ty (Đến ngày 06/5/2024)		16.000.000
Ông Nguyễn Thanh Tiến	Thư ký Công ty (Từ ngày 06/5/2024)	60.000.000	32.000.000
Tổng		684.000.000	540.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG
Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, phường Rạch Giá
tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Thù lao của từng thành viên Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Bà Trần Thị Mai Trinh	Trưởng Ban Kiểm soát	-	-
Ông Nguyễn Trường Giang	Thành viên Ban Kiểm soát (Đến ngày 15/4/2024)		14.000.000
Bà Trần Thị Phương Lan	Thành viên Ban Kiểm soát	113.154.400	48.000.000
Ông Trần Công Lý	Thành viên Ban Kiểm soát (Từ ngày 15/4/2024)	90.000.000	34.000.000
Tổng		203.154.400	96.000.000

Tiền lương của từng Thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách, Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức danh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ông Bạch Ngọc Văn	Chủ tịch HĐQT	174.672.800	234.788.000
Ông Đoàn Huỳnh Dũng	Nguyên Phó Chủ tịch HĐQT		54.340.000
Ông Mai Thành Công	Phó Chủ tịch HĐQT	118.282.700	130.603.200
Ông Đặng Quốc Việt	Nguyên Thành viên HĐQT		
Bà Trần Thị Mai Trinh	Trưởng Ban Kiểm soát	528.889.100	501.814.000
Bà Dương Thị Thanh Nguyệt	Phó Chủ tịch HĐQT thường trực kiêm Tổng Giám đốc	815.241.000	688.176.000
Ông Phạm Minh Trung	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	534.677.700	501.814.000
Ông Nguyễn Mai Thái Sơn	Phó Tổng Giám đốc	470.637.000	194.694.000
Tổng		2.642.400.300	2.306.229.200

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG
Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, phường Rạch Giá
tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

b. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Bán hàng			94.406.227.124	411.499.206.645
Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ	Bán hàng ủy thác	10.141.266.860	276.827.966.100
		Bán hàng hóa	84.264.960.264	134.670.786.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	Cùng Công ty mẹ	Bán hàng hóa	-	454.545
Mua hàng			208.383.093.945	63.092.023.875
Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ	Mua hàng hóa, dịch vụ	197.043.343.945	50.039.094.875
Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	Cùng Công ty mẹ	Mua tài sản cố định	8.134.830.000	1.578.310.000
		Mua công cụ dụng cụ	215.750.000	3.163.415.000
		Chi phí sửa chữa tài sản	2.989.170.000	4.935.664.000
Công ty Lương thực Long An	Chi nhánh của Công ty mẹ	Mua hàng hóa	-	405.540.000
Công ty Lương thực Tiền Giang	Chi nhánh của Công ty mẹ	Mua hàng hóa	-	2.970.000.000
Mua dịch vụ			129.401.660	1.611.009.595
Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ	Phí giao nhận, ủy thác, phí làm hàng	87.734.996	1.569.342.931
Công ty Lương thực Tiền Giang	Chi nhánh của Công ty mẹ	Dịch vụ khác	41.666.664	41.666.664

c. Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		2.219.417.099	-
Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ	2.219.417.099	-
Phải trả người bán ngắn hạn		6.128.037.000	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí và Lương thực Thực phẩm	Cùng Công ty mẹ	1.424.037.000	-
Tổng Công ty Lương thực Miền Nam - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ	4.704.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, phường Rạch Giá
tỉnh An Giang

tỉnh An Giang

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.2 Báo cáo bộ phận

a. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng bên ngoài
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

Lợi nhuận gộp trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của bộ phận

Doanh thu hoạt động tài chính
Chi phí tài chính
Chi phí bán hàng
Chi phí quản lý doanh nghiệp

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của bộ phận

Chi phí liên quan đến tài sản cố định và chi phí trả trước dài hạn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

	Kinh doanh lương thực	Kinh doanh xăng dầu	Kinh doanh cá cơm	Tổng
Chi phí đã phát sinh trong năm để mua tài sản cố định	12.061.283.242	-	4.064.393.328	16.125.676.570
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.575.470.698	730.941.025	899.187.674	15.205.599.397
Phân bổ chi phí trả trước dài hạn	13.549.601.360	476.649.064	1.684.665.412	15.710.915.836

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIẾN GIANG

Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, phường Rạch Giá
tỉnh An Giang

tỉnh An Giang

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.2. Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

a. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)

Tài sản và nợ bộ phận tại ngày 31/12/2025

Tài sản bộ phận				
Tài sản cố định	106.322.637.529	4.017.109.240	12.844.335.506	123.184.082.275
Xây dựng cơ bản dở dang	-	-	1.356.388.307	1.356.388.307
Các khoản phải thu	75.496.581.595	5.205.013.736	50.000.000	80.751.595.331
Hàng tồn kho	223.295.366.115	5.284.843.992	4.590.628.845	233.170.838.952
Tài sản không thể phân bổ				219.177.251.798
Tổng				657.640.156.663
Nợ bộ phận				
Các khoản phải trả	158.758.474.011	292.550.000	34.021.751	159.085.045.762
Phải trả tiền vay (không phân bổ)				183.829.128.658
Nợ phải trả không phân bổ				40.223.340.225
Tổng				383.137.514.645

7.2. Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

a. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)

Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng bên ngoài
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

Lợi nhuận gộp trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của bộ phận

Doanh thu hoạt động tài chính
Chi phí tài chính
Chi phí bán hàng
Chi phí quản lý doanh nghiệp

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của bộ phận

Chi phí liên quan đến tài sản cố định và chi phí trả trước dài hạn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Chi phí đã phát sinh trong năm để mua tài sản cố định
Chi phí khấu hao tài sản cố định
Phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Kinh doanh lương thực	Kinh doanh xăng dầu	Kinh doanh cá cơm	Tổng
7.037.166.782.681 (6.423.297.378.692)	341.765.403.856 (329.579.714.235)	24.048.039.382 (20.983.187.444)	7.402.980.225.919 (6.773.860.280.371)
613.869.403.989	12.185.689.621	3.064.851.938	629.119.945.548
51.115.373.143 (96.320.557.634) (495.427.490.449) (59.841.790.750)	1.136.845 (593.823.476) (4.888.490.090) (5.093.129.000)	6.452.808 (425.158.093) (1.141.359.875) (1.440.505.063)	51.122.962.796 (97.339.539.203) (501.457.340.414) (66.375.424.813)
13.394.938.299	1.611.383.900	64.281.715	15.070.603.914

Kinh doanh lương thực	Kinh doanh xăng dầu	Kinh doanh cá cơm	Tổng
3.517.777.940 13.456.051.080 7.023.734.898	188.000.000 943.268.081 360.368.392	- 760.748.748 815.250.917	3.705.777.940 15.160.067.909 8.199.354.207

||\|/|| 31/12/2025

||\|/|| 31/12/2025

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, phường Rạch Giá
tỉnh An Giang

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.2. Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

a. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)

Tài sản và nợ bộ phận tại ngày 31/12/2024

Tài sản bộ phận
Tài sản cố định
Xây dựng cơ bản dở dang
Các khoản phải thu
Hàng tồn kho
Tài sản không thể phân bổ

Tổng

Nợ bộ phận

Các khoản phải trả
Phải trả tiền vay (không phân bổ)
Nợ phải trả không phân bổ

Tổng

Kinh doanh lương thực	Kinh doanh xăng dầu	Kinh doanh cá cơm	Tổng
107.890.770.782 - 247.091.218.593 508.760.235.199	4.748.050.265 - 10.735.891.292 6.302.068.394	9.625.184.055 2.153.188.307 960.010.150 10.043.866.601	122.264.005.102 2.153.188.307 258.787.120.035 525.106.170.194 128.020.676.990
			1.036.331.160.628
45.726.737.742	369.010.000	24.403.980	46.120.151.722 692.072.139.497 33.037.225.920
			771.229.517.139

||\|/|| 31/12/2025

||\|/|| 31/12/2025

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG
Số 85 - 87 đường Lạc Hồng, Phường Rạch Giá
tỉnh An Giang

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

7.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

b. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Tiếp theo)

Doanh thu bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

	Thị trường xuất khẩu	Thị trường nội địa	Tổng
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng bên ngoài	4.113.141.995.812	1.118.380.179.904	5.231.522.175.716

Doanh thu bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

	Thị trường xuất khẩu	Thị trường nội địa	Tổng
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho khách hàng bên ngoài	5.640.104.850.609	1.762.875.375.310	7.402.980.225.919

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu và các Thuyết minh của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

An Giang, ngày 12 tháng 01 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Chúc Hà

Trần Thị Diệp

Dương Thị Thanh Nguyệt

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN

2025

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU KIÊN GIANG

An Giang, ngày 18 tháng 3 năm 2026

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Dương Thị Thanh Nguyệt

